

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG- XÃ HỘI



NGUYỄN THỊ HUYỀN NGÀ

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG- XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HUYỀN NGÀ

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 8340301

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ THỊ THANH HƯƠNG

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: Nguyễn Thị Huyền Nga

Mã ngành : 8340301

Mã học viên: KT10003

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Thanh Hương

Sau quá trình nghiên cứu, khảo sát tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương tôi đã chọn lựa đề án: “Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương”.

Tôi xin cam đoan:

- Đề án là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi.
- Các số liệu, kết quả nêu trong đề án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.
- Mọi số liệu trong đề án đều được sự cho phép của Công ty mà tôi khảo sát.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Học viên

Nguyễn Thị Huyền Nga

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới TS. Lê Thị Thanh Hương, người đã luôn nhiệt tình hướng dẫn, động viên và tạo điều kiện cho tôi trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề án này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các giảng viên Khoa Kế toán- Trường Đại học Lao động Xã hội đã truyền đạt những kiến thức quý báu trong quá trình học tập.

Chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu để giúp tôi hoàn thành đề án.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ, động viên và tạo điều kiện của đồng nghiệp và gia đình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Học viên

Nguyễn Thị Huyền Nga

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ	vi
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	6
1.1. Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	6
1.1.1. Đặc điểm về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	6
1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	7
1.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.	12
1.1.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp	13
1.2. Nội dung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	16
1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm	16
1.2.2. Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	17
1.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	23
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG	28
2.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương	28
2.1.1. Tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của công ty	28
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động kinh doanh của công ty	30

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp	33
2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.....	36
2.2.1. Đặc điểm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.	36
2.2.2. Đối tượng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.....	37
2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất trong Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương	37
2.2.4. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm trong Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương	55
CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG	60
3.1. Đánh giá ưu nhược điểm tồn tại và nguyên nhân	60
3.1.1. Ưu điểm.....	60
3.1.2. Nhược điểm.....	62
3.1.3. Nguyên nhân	64
3.2. Định hướng ứng dụng.....	65
3.2.1. Định hướng phát triển của đơn vị	65
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương	68
3.2.3. Điều kiện thực hiện	76
3.3. Giá trị đóng góp của đề án.	77
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPNVL	Chi phí nguyên vật liệu
CPSX	Chi phí sản xuất
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
CT	Công trình
DDĐK	Dỡ dăng đầu kỳ
DN	Doanh nghiệp
DNXL	Doanh nghiệp xây lắp
KL	Khối lượng
QĐ	Quyết định
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
XD	Xây dựng
XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty	30
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kinh doanh Công ty	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức phòng Kế toán- Tài chính tại Công ty	34
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	38
Sơ đồ 2.5: Phiếu xuất kho bản thể hiện trên phần mềm.....	40
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	41
Sơ đồ 2.7: Chứng từ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....	43
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí nhân công giao khoán	43
Sơ đồ 2.9: Chứng từ hạch toán chi phí nhân công giai đoạn 1	45
Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công	46
Sơ đồ 2.11: Chứng từ mua dịch vụ thuê máy thi công.....	47
Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung	48
Sơ đồ 2.13: Chứng từ hạch toán chi phí tiền lương của ban quản lý	49
Sơ đồ 2.14: Chứng từ chi phí các khoản trích BHXH Công ty chi trả đối với bộ phận ban quản lý	50
Sơ đồ 2.15: Chứng từ chi phí các khoản trích BHXH Công ty chi trả đối với bộ phận người lao động trực tiếp	51
Sơ đồ 2.16: Chứng từ chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	52
Sơ đồ 2.17: Chứng từ dịch vụ mua ngoài	54
Sơ đồ 2.18: Chứng từ chi phí khác bằng tiền.....	55
Sơ đồ 2.19: Kết chuyển chi phí công trình dở dang.....	56
Sơ đồ 2.20: Chứng từ kết chuyển chi phí công trình nghiệm thu	58
Sơ đồ 2.21: Chứng từ nghiệm thu công trình.....	59

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Một vài thập niên gần đây, nền kinh tế nước ta có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong nền kinh tế thị trường, bên cạnh đó chúng ta cũng thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài. Do đó vốn đầu tư cho ngành xây dựng cơ bản cũng tăng nhanh.

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất tạo cơ sở và tiền đề để phát triển cho nền kinh tế quốc dân. Hàng năm ngành xây dựng cơ bản thu hút một lượng lớn tổng vốn đầu tư của cả nước. Với nguồn vốn đầu tư lớn như vậy cùng với đặc điểm sản xuất là ngành có thời gian thi công kéo dài và thường trên quy mô lớn đã đặt ra vấn đề lớn phải giải quyết là: Làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả, khắc phục tình trạng thất thoát và lãng phí trong sản xuất thi công, giảm chi phí hạn giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Một trong những công cụ đắc lực để quản lý có hiệu quả đó là kế toán với phân hành cơ bản là hạch toán Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Tuy nhiên trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay, công tác kế toán nói chung, kế toán Chi phí sản xuất và giá thành nói riêng còn bộc lộ những tồn tại chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và quy trình hội nhập. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán Chi phí sản xuất và giá thành nói riêng nhằm phản ánh đúng chi phí, làm cơ sở cho việc tính toán chính xác giá thành sản phẩm xây lắp, cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành, kiểm tra chi phí và hoạch định chiến lược của doanh nghiệp là nhu cầu cần thiết.

Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương được thành lập ngày 28 tháng 04 năm 2009, hơn một thập kỷ xây dựng, phát triển, Công ty đã có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp; thiết kế thi công nội thất. Với đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm và chuyên môn cao, máy móc thiết bị hiện đại, thái độ và phương pháp làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật, trách nhiệm nghề nghiệp cao, Công ty luôn

đáp ứng yêu cầu của khách hàng tốt nhất, hiệu quả nhất. Mục tiêu của Công ty là trở thành một đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng, thi công công trình, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ tốt, nhanh chóng, tiện lợi với mức giá hợp lý, đóng góp tích cực cho cộng đồng, nâng cao giá trị cuộc sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Muốn làm được những điều này, Công ty cần quản lý tốt việc vận hành của mình, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo nguồn lực vững chắc để phát triển. Tuy nhiên hiện nay một số công việc thuộc công tác tập hợp chi phí còn lỏng lẻo, chứng từ kế toán chưa đầy đủ, chưa sâu sát với thực tế ngoài công trường, ảnh hưởng tới giá thành của công trình.

Nhận thức được vấn đề nêu trên, sau thời gian tìm hiểu và học hỏi tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương, được sự giúp đỡ quý báu của cô Lê Thị Thanh Hương, cùng với kiến thức đã được học ở Nhà trường, tác giả đã chọn đề án: “Kế toán Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương” làm nội dung nghiên cứu trong Đề án thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan nghiên cứu liên quan đến đề án

Đề án về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đã được rất nhiều tác giả ở bậc thạc sỹ nghiên cứu và đề cập. Mỗi công trình nghiên cứu đều có những nét đặc thù riêng tùy thuộc vào thực trạng đối với đơn vị, nhóm đơn vị đã nghiên cứu và có đóng góp nhất định cho kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng. Cụ thể là các nghiên cứu sau:

- Luận văn thạc sĩ kế toán của tác giả Đinh Thị Hằng(2019) với đề tài: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Tân Hưng. Luận văn đã nêu lên sơ sở lý thuyết về phân loại chi phí sản xuất theo nhiều tiêu chí khác nhau, căn cứ lập giá thành sản phẩm nêu ra mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản

phẩm, sơ đồ hóa quy trình kế toán và đưa ra các công thức phân bổ chi phí sản xuất. Về mặt lí luận Luận văn đã tổng quát những vấn đề lí luận về kế toán CPXS và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp xây lắp. Về mặt thực tiễn Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Tân Hưng. Trên cơ sở phân tích mặt mạnh, mặt yếu từ đó đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Tân Hưng.

- Luận văn Thạc sĩ kế toán của tác giả Bùi Thị Phương Mơ(2017) với đề tài Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Hải Nam. Đề tài đã trình bày kết quả nghiên cứu thực tế tại công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hải Nam, từ bộ máy tổ chức quản lý, bộ máy kế toán và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty. Làm rõ các nội dung lí thuyết cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Phản ánh và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hải Nam. Từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, và đề xuất những giải pháp nhằm hướng tới mục đích hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty.

- Luận văn Thạc sĩ kế toán của tác giả Trần Thiệu Trang(2018) với đề tài Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đầu tư Quảng Long Thanh Hóa. Luận văn đã nêu lên cơ sở lí thuyết về phân loại chi phí sản xuất theo nhiều tiêu chí khác nhau, căn cứ lập giá thành sản phẩm, nêu ra mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, sơ đồ hóa quy trình kế toán và đưa ra các công thức phân bổ chi phí sản xuất. Đánh giá được các điểm mạnh, điểm yếu trong kế toán CPSX và tính giá thành nói

riêng và kế toán doanh nghiệp nói chung. Đề tài cũng đã đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán CP SX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đầu tư Quảng Long Thanh Hóa. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện từ phía Nhà nước cũng như bản thân doanh nghiệp để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện. Tuy nhiên, các giải pháp liên quan tương đối khó áp dụng.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trên đều có những đóng góp nhất định: Các đề tài đều trình bày được cơ sở lý luận về Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp xây lắp. Từ đó phân tích điểm mạnh, yếu của Doanh nghiệp và đề ra những giải pháp, khuyến nghị cho Công ty. Tuy nhiên bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn một số hạn chế, đó là các giải pháp vẫn còn đơn giản, chưa gắn liền nhiều tới thực tiễn. Do vậy, để phát huy được những mặt đã đạt được và khắc phục những mặt vẫn còn thiếu sót, tác giả xin được đề cập các vấn đề đó trong nội dung của Đề án này.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề án

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp về mặt kế toán tài chính
- Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương để từ đó đưa ra những ưu nhược điểm đang tồn tại tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương
- Các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương nhằm tìm ra những ưu nhược điểm,

từ đó có thể rút ra được những biện pháp góp phần hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, từ đó hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương. Cụ thể, đề án chỉ tập trung vào các loại chi phí trực tiếp có liên quan đến hoạt động xây lắp của công ty

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề án nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương trên góc độ kế toán tài chính của công ty. Cụ thể là Công trình: Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh.

- Về thời gian: Năm 2023

- Về không gian: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.

5. Phương pháp nghiên cứu của đề án

- Phương pháp thống kê mô tả: Tóm tắt, mô tả các số liệu từ chứng từ, sổ sách của Công ty

- Phương pháp định tính: Nghiên cứu, phân tích, so sánh các số liệu, đánh giá từng loại chi phí và tìm ra những sai sót trong quá trình kế toán tại Công ty.

Ngoài ra kết hợp với phỏng vấn và trao đổi với các nhân viên kế toán và các nhà quản trị của Công ty

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.1 Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1. Đặc điểm về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và quá trình xây lắp tạo nên đặc trưng của các doanh nghiệp này, cụ thể:

- Sản phẩm xây lắp là những công trình hoặc vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm được xây lắp theo thiết kế kỹ thuật và giá dự toán riêng. Do đó, đòi hỏi mỗi sản phẩm trước khi tiến hành sản xuất phải lập dự toán về thiết kế thi công và trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải tiến hành so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thanh toán với đơn vị chủ thầu, giá này thường được xác định trước khi tiến hành sản xuất thông qua hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Mặt khác sản phẩm xây lắp không thuộc đối tượng lưu thông, nơi sản xuất đồng thời là nơi tiêu thụ sản phẩm vì vậy sản phẩm xây lắp là loại hàng hoá có tính chất đặc biệt.

- Thời gian sử dụng của sản phẩm xây lắp là lâu dài và giá trị của sản phẩm xây lắp rất lớn. Đặc điểm này đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp trong quá trình sản xuất phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng công trình để đảm bảo cho công trình và tuổi thọ của công trình theo thiết kế.

Những đặc điểm trên có ảnh hưởng lớn tới công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, làm cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có những đặc điểm riêng .

Mặt khác, ngoài các khoản mục chi phí sản xuất thông thường như các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp

xây lắp còn phát sinh thêm một số khoản mục chi phí như: Chi phí vận chuyển máy thi công đến công trường, chi phí huy động nhân công, chi phí lán trại cho công nhân... Vì vậy kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp khá phức tạp. Một số khoản chi phí chung cần phân bổ đến từng công trình cụ thể theo tiêu thức phân bổ phù hợp để phục vụ công tác quản lý chi phí, giá thành.

1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

❖ Phân loại chi phí sản xuất

▪ Phân loại theo nội dung kinh tế, chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp có thể được phân loại như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: gồm toàn bộ giá trị về các loại nguyên vật liệu chính (như sắt, thép, xi măng, cát, ...), nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế, thiết bị xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng cho hoạt động xây lắp trong kỳ.

- Chi phí nhân công: gồm tổng số tiền lương, phụ cấp và các khoản trích (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) trên lương của người lao động theo chế độ quy định trong doanh nghiệp trong kỳ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ số tiền trích khấu hao về thiết bị vận tải, máy thi công xây dựng...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã chi trả cho các dịch vụ từ bên ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê máy thi công... phục vụ hoạt động xây lắp.

- Chi phí bằng tiền khác: Gồm toàn bộ số tiền phải trả khác cho hoạt động sản xuất thi công ngoài các yếu tố đã kể trên như chi phí tiếp khách, hội họp,

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế như trên cho biết kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí, là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất.

▪ *Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng:*

Căn cứ vào mục đích và công dụng của chi phí trong quá trình xây lắp và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành theo khoản mục chi phí. Mục đích của phân loại này nhằm tìm ra các nguyên nhân làm thay đổi giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm. Toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được phân loại như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là giá trị thực tế của các nguyên vật liệu chính (xi măng, cát, đá, sắt, thép...), nguyên vật liệu phụ (sơn, vôi), các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình sử dụng trực tiếp cho sản phẩm xây lắp.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp. Các khoản phụ cấp lương như tiền ăn ca, tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài cũng được hạch toán vào khoản mục này.

- Chi phí sử dụng máy thi công: là toàn bộ các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công như chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí CCDC, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí sản xuất chung: bao gồm các khoản chi phí phục vụ cho công tác quản lý sản xuất chung ở tổ, đội sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp như chi phí vật liệu, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí nhân viên quản lý đội xây lắp gồm lương chính, lương phụ và các khoản tính theo lương của nhân viên quản lý đội (bộ phận sản xuất); công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công.

+ Chi phí vật liệu: gồm giá trị vật liệu dùng để sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ, các công cụ dụng cụ ở đội xây lắp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở đội xây lắp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại sử dụng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và xác định định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

▪ *Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí:*

- Chi phí trực tiếp: Là chi phí liên quan đến từng đối tượng chịu chi phí, những chi phí này được kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để tập hợp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí gián tiếp: Là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí; những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo một tiêu chuẩn thích hợp.

Cách phân loại chi phí này có ý nghĩa đối với việc xác định chi phí cố định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách hợp lý.

▪ *Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm sản xuất.*

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí cố định: là những chi phí mang tính tương đối ổn định không phụ thuộc vào mức hoạt động. Khi mức hoạt động tăng thì mức chi phí tính trên một đơn vị hoạt động có xu hướng giảm.

- Chi phí biến đổi: là những chi phí thay đổi phụ thuộc vào mức hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công... Chi phí biến đổi cho một đơn vị hoạt động mang tính ổn định.

- Chi phí hỗn hợp: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố sản xuất của chi phí cố định và chi phí biến đổi (như chi phí điện thoại, fax, chi

phí thuê phương tiện vận chuyển vừa tính giá thuê cố định, vừa tính giá thuê theo quãng đường vận chuyển thực tế ...).

Cách phân loại này có vai trò quan trọng trong phân tích điểm hoà vốn phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nhà quản lý.

Ngoài các cách phân loại chi phí sản xuất trên, tùy thuộc vào các yêu cầu quản lý chi phí sản xuất xây lắp, có thể phân loại theo các cách khác nhau, mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với quy trình công nghệ, theo thẩm quyền và ra quyết định

❖ *Phân loại giá thành sản phẩm*

▪ *Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành:*

Để đáp ứng yêu cầu của quản lý và hạch toán, giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm nhiều loại khác nhau, tùy theo tiêu thức sử dụng, theo cách phân loại này, chỉ tiêu giá thành được chia làm 3 loại:

- Giá thành dự toán: Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình là giá thành công tác xây lắp được xác định trên khối lượng công tác xây lắp theo thiết kế được duyệt, các dự toán và đơn giá thành xây dựng cơ bản do cấp có thẩm quyền ban hành và dựa theo mặt bằng giá cả thị trường.

Giá thành dự toán là hạn mức kinh phí cao nhất mà doanh nghiệp có thể chi ra để đảm bảo có lãi. Nó là tiêu chuẩn để đơn vị xây lắp phấn đấu hạ thấp định mức thực tế, là căn cứ để kế hoạch hóa giá thành công tác xây lắp và đề ra các biện pháp tổ chức kinh tế kỹ thuật nhằm hoàn thiện nhiệm vụ hạ giá thành công tác xây lắp được giao.

- Giá thành kế hoạch: là loại giá thành dự toán căn cứ vào những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây dựng cơ bản, của công trường trong một thời kỳ kế hoạch nhất định. Giá thành kế hoạch xây lắp được lập dựa vào định mức chi phí nội bộ của tổ chức xây lắp, về mặt nguyên tắc định mức chi phí nội bộ này phải tiên tiến hơn định mức dự toán. Vì vậy giá thành kế hoạch công tác xây lắp phải bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{của CT, HMCT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành dự toán} \\ \text{của CT, HMCT} \end{array} - \text{Mức hạ giá thành kế hoạch}$$

- Giá thành thực tế: phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp. Giá thành thực tế bao gồm chi phí định mức, chi phí vượt định mức, chi phí không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bồi chi, lãng phí về vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình xây lắp và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành. Giá thành thực tế xác định theo số liệu kế toán.

▪ *Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp theo phạm vi tính giá thành:*

Theo cách phân loại này gồm:

- Giá thành sản xuất: gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm xây lắp tiêu thụ gồm chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm lao vụ được tiêu thụ. Ngoài ra giá thành công tác xây lắp còn được theo dõi trên hai chỉ tiêu: giá thành của khối lượng hoàn chỉnh và giá thành của khối lượng hoàn thành quy ước:

+ Giá thành khối lượng hoàn chỉnh: là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, đúng thiết kế và hợp đồng ký kết bàn giao được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước: là giá thành của các khối lượng đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: phải nằm trong thiết kế, đạt điểm dừng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất của sản phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất của sản phẩm} \end{array}$$

- Giá thành sản xuất theo biến phí (giá thành sản xuất bộ phận): là loại giá thành mà trong đó chỉ bao gồm biến phí thuộc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành. Đây là chỉ tiêu có vai trò quan trọng trong việc phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn, mang tính chiến lược như quyết định thay đổi biến phí và doanh thu để tăng lợi nhuận.

- Giá thành toàn bộ theo biến phí: là giá thành sản phẩm gồm toàn bộ biến phí (biến phí sản xuất, biến phí bán hàng, biến phí quản lý doanh nghiệp) tính cho sản phẩm tiêu thụ. Đây là chỉ tiêu làm cơ sở cho kế toán quản trị xác định chỉ tiêu lãi gộp trước chi phí cố định

1.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

▪ *Yêu cầu:*

Kế toán cần đáp ứng một số yêu cầu nhất định để thông tin kế toán cung cấp có ích.

- Phản ánh, tập hợp đầy đủ nghiệp vụ, các khoản chi phí phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ sách kế toán;

- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán

- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán;

- Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của các khoản chi phí phát sinh. Thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo đúng với thực tế, không bị xuyên tạc, không bị bóp méo;

- Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế - tài chính; số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước;

- Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống;

▪ *Nhiệm vụ:*

Để tổ chức tốt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đáp ứng đầy đủ trung thực và kịp thời yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành của doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp. Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán.

- Tổ chức tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và bằng phương pháp thích hợp đã chọn, cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí đã quy định, xác định đúng đắn trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá thành và giá thành đơn vị của các đối tượng tính giá thành theo đúng khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành sản phẩm đã xác định.

- Định kỳ cung cấp các báo cáo về CPSX và giá thành cho các cấp quản lý doanh nghiệp. Phát hiện các hạn chế và khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp để kiểm soát giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

1.1.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

❖ *Các chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam- VAS 01 “ Chuẩn mực chung: “ Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”

- Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, sự khác biệt chủ yếu của kế toán công ty xây lắp so với các loại kinh doanh nghiệp khác theo thông tư 200/2014/TT-BTC là ở các nghiệp vụ tập hợp giá thành xây lắp. Các nghiệp vụ khác phần lớn là tương tự nhau. Và phần pho nhất của bất kỳ kế toán nào cũng là ở phần tập hợp giá thành sản phẩm xây lắp

Tài khoản tập hợp giá thành ở công ty xây lắp là tài khoản 154. Chi tiết quy định ở thông tư số 200/2014/TT-BTC như sau:

Tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ của các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính, phụ và thuê ngoài gia công ở các doanh nghiệp xây lắp... Tài khoản này dùng để phản ánh chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, đội sản xuất, công trường,...)

Chuẩn mực kế toán số 03,04: Nội dung của hai chuẩn mực này đưa ra những quy định hướng dẫn các nguyên tắc, phương pháp kế toán đối với TSCĐ gồm có: Quy định tiêu chuẩn TSCĐ, thời điểm ghi nhận, xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý TSCĐ và một số quy định khác để làm cơ sở ghi sổ và lập báo cáo tài chính.

Trong quá trình sản xuất công ty nào cũng dùng các tư liệu sản xuất như nhà xưởng, máy móc thiết bị và các TSCĐ khác. Khi các yếu tố này tham gia trong quá trình sản xuất thì giá trị của nó được chuyển dịch dần dần vào giá trị của các sản phẩm- phần giá trị này được gọi là giá trị hao mòn của TSCĐ do tham gia vào giá trị sản xuất kinh doanh. Đây được hiểu là “ sự giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ do tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ khoa học kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của TSCĐ”

“ Mọi TSCĐ của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải trích khấu hao. Mức trích khấu hao TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ”. Vì vậy, doanh nghiệp phải tính toán và phân bổ giá trị khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong kỳ theo quy định của chuẩn mực kế toán số 03 “ TSCĐ hữu hình” và chuẩn mực kế toán số 04 “ TSCĐ vô hình” Việc tính toán xác định chi phí KH TSCĐ luôn là công tác quan trọng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó chuẩn mực cũng quy định có ba phương pháp tính khấu hao TSCĐ hữu hình: phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần, phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm.

Chuẩn mực kế toán số 15 cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn cụ thể về cách ghi nhận doanh thu và chi phí liên quan đến các hợp đồng xây dựng. Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí liên quan đến hợp đồng trong suốt giai đoạn kể từ khi ký hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp đồng phát sinh trong quá trình đàm phán hợp đồng cũng được coi là một phần chi phí của hợp đồng nếu chúng có thể xác định riêng rẽ, có thể ước tính một cách đáng tin cậy và có nhiều khả năng là hợp đồng sẽ được ký kết. Nếu chi phí phát sinh trong quá trình đàm phán hợp đồng đã được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi chúng phát sinh thì chúng không còn được coi là chi phí của hợp đồng xây dựng khi hợp đồng được ký kết vào thời kỳ tiếp sau.

❖ *Các nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

Ngoài các nguyên tắc chung thường sử dụng như nguyên tắc khách quan, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc trọng yếu... thì kế toán doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc giá phí(giá gốc)

Khi ghi nhận các nghiệp vụ, kế toán dựa vào các chi phí đã phát sinh để có được tài sản đó. Trong kế toán xây lắp giá thành của công trình xây lắp là chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện công trình đó đến khi nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Nguyên tắc nhất quán

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhưng phải thống nhất phương pháp tính giá thành và sản phẩm dở dang giữa các kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc tính giá thành và so sánh giữa các kỳ kế toán được dễ dàng

Nguyên tắc phù hợp

Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hạch toán kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn và thời gian thi công kéo dài vì thế nhà thầu và chủ đầu tư thường thống nhất tiến hành nghiệm thu theo giai đoạn vì vậy doanh nghiệp phải ghi nhận trước doanh thu hoặc ghi nhận doanh thu theo giai đoạn đồng thời chi phí cũng cần phải ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đó.

1.2 Nội dung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

❖ Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tổ chức, tập hợp và phân bổ. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc nơi chịu phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào loại hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường

được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng kế toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

❖ *Đối tượng tính giá thành sản phẩm*

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và cần phải tính được giá thành và giá thành đơn vị. Trong doanh nghiệp xây lắp, sản phẩm có tính đơn chiếc, đối tượng tính giá thành là từng công trình, HMCT đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là từng giai đoạn hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

1.2.2. *Kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp*

❖ *Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới. Trong doanh nghiệp xây lắp, nguyên vật liệu là hàng tồn kho thuộc tài sản ngắn hạn. Về mặt giá trị, nguyên vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra chứ không hao mòn dần như tài sản cố định

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm giá nhiều loại vật liệu khác nhau như: vật liệu chính(Xi măng, sắt, thép, cát, gạch...); vật liệu phụ(đinh, kẽm, dây...), ngoài ra chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn bao gồm cốp pha, giàn dáo và các dụng cụ được sử dụng nhiều lần. Chi phí này không bao gồm chi phí các loại nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công hay vật liệu, vật tư dùng cho bộ phận quản lý công trình.

Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể được thực hiện theo 2 phương pháp đó là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp, tùy thuộc vào tính chất của từng loại chi phí mà áp dụng phương pháp phù hợp:

- Phương pháp trực tiếp áp dụng cho các loại chi phí thực tế phát sinh chỉ liên quan trực tiếp đến một đối tượng duy nhất. Căn cứ vào thực tế phát sinh kết chuyển toàn bộ chi phí này vào đối tượng là các công trình, hạng mục công trình liên quan

- Phương pháp gián tiếp: áp dụng trong trường hợp chi phí phát sinh phục vụ cho từ hai đối tượng công trình, hạng mục công trình trở lên. Để phân bổ cho nhiều đối tượng, cần lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Cuối kỳ hoặc khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê các vật liệu chưa sử dụng hết ở công trường để tính chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho công trình đó.

+ Các chứng từ sử dụng: Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, các chứng từ kế toán hướng dẫn khác để phục vụ công tác quản lý của doanh nghiệp.

+ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 621 là tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này có thể được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí

+ Hạch toán kế toán:

Một số nghiệp vụ hạch toán chủ yếu đối với tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được thể hiện ở phụ lục 1.1(phần phụ lục)

❖ *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản chi phí phải trả cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng. Bao gồm các khoản phải trả cho cả nhân sự chính thức dài hạn của doanh nghiệp và các nhân sự thuê ngoài (không bao gồm các khoản trích theo lương)

Chi phí nhân công trực tiếp trong xây dựng bao gồm các khoản:

- Tiền lương của công nhân chính trực tiếp tham gia xây dựng các công việc như: xây, trát, phá dỡ, đục, trộn bê tông...; các công nhân phụ thực hiện

các công việc như: bê vác, lắp giữ giàn dáo, vệ sinh thiết bị trước khi lắp đặt, nhúng gạch, quét dọn công trường...

- Các khoản phụ cấp khác như: phụ cấp làm đêm, làm tăng ca, phụ cấp chức vụ, phụ cấp nóng độc hại...

- Trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm các chi phí lương cho công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công hoặc khi vận chuyển vật liệu ngoài phạm vi công trường. Các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định của Pháp luật cũng không được hạch toán vào tài khoản chi phí nhân công trực tiếp

- + Các chứng từ sử dụng: Hợp đồng lao động, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, Hợp đồng giao khoán, phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành

- + Tài khoản sử dụng là tài khoản 622: chi phí nhân công trực tiếp

- + Hạch toán kế toán:

Một số nghiệp vụ hạch toán chủ yếu đối với tài khoản chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp được thể hiện ở phụ lục 1.2(phần phụ lục)

❖ *Kế toán chi phí sử dụng máy thi công*

Máy móc thi công là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như máy trộn bê tông, cần trục, cần cầu tháp, máy ủi, máy xúc,... Chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng xe và máy thi công, bao gồm các loại nguyên, vật liệu xuất dùng cho máy thi công, tiền lương phải trả cho công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài cho sử dụng máy thi công...

Phân loại chi phí sử dụng máy thi công:

Đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện việc xây lắp theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công bằng thủ công vừa kết hợp thi công bằng máy, trong giá thành xây lắp còn có khoản mục chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công gồm hai loại chi phí là chi phí thường xuyên và chi phí tạm thời.

- Chi phí thường xuyên gồm: các chi phí xảy ra hàng ngày một cách thường xuyên cho quá trình sử dụng máy thi công như chi phí về nhiên liệu, dầu mỡ, các chi phí vật liệu phụ khác; tiền lương của công nhân điều khiển và công nhân phục vụ máy thi công; tiền khấu hao TSCĐ là xe máy thi công; các chi phí về thuê máy, chi phí sửa chữa thường xuyên xe máy thi công.

- Chi phí tạm thời là những chi phí phát sinh một lần có liên quan đến việc lắp, tháo, vận chuyển, di chuyển máy và các khoản chi phí về những công trình tạm phục vụ cho việc sử dụng máy thi công như lán che máy ở công trường, bệ đỡ máy ở khu vực thi công.

- Các chi thường xuyên được tính trực tiếp một lần vào chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ còn chi phí tạm thời không hạch toán một lần vào chi phí sử dụng máy thi công mà được tính phân bổ dần theo thời gian sử dụng các công trình tạm hoặc theo thời gian thi công trên công trường (thời gian nào ngắn hơn sẽ được chọn làm tiêu thức để phân bổ). Xác định số phân bổ hàng tháng như sau:

- Chi phí tạm thời cũng có thể được tiền hành trích trước vào chi phí sử dụng máy thi công. Khi sử dụng xong công trình tạm, số chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh với chi phí trích trước được xử lý theo quy định.

 Tài khoản sử dụng là tài khoản 623: Chi phí sử dụng máy thi công để tập hợp và phân bổ các chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp

 Hạch toán kế toán

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội MTC riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí SXC chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho đội xây lắp. Trình tự kế toán được thể hiện ở phụ lục 1.3 (phần phụ lục).

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình. Trình tự kế toán được thể hiện ở phụ lục 1.4 (phần phụ lục).

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công - thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán, tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao. Trình tự kế toán được thể hiện ở phụ lục 1.5 (phần phụ lục).

❖ *Kế toán chi phí sản xuất chung*

Chi phí sản xuất chung gồm các khoản chi phí như sau:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, phụ cấp lưu động phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng và của công nhân xây lắp; khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành

trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế của doanh nghiệp.

- Ngoài khoản chi phí của nhân viên quản lý công trường, kế toán, thống kê, kho, vệ sinh...của công trường, chi phí nhân viên phân xưởng còn bao gồm tiền công vận chuyển vật liệu ngoài cự ly thi công do mặt bằng thi công chật hẹp, công tát nước vét bùn khi trời mưa hoặc gặp mạch nước ngầm.

- Chi phí vật liệu gồm chi phí vật liệu cho đội xây dựng như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời.

- Trường hợp vật liệu mua ngoài xuất thẳng cho đội xây dựng, nếu doanh nghiệp được khấu trừ thuế thì chi phí vật liệu không bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào.

- Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp gồm các chi phí về công cụ, dụng cụ dùng cho thi công như cuốc xẻng, dụng cụ cầm tay, xe đẩy, ván khuôn và các loại công cụ dụng cụ khác dùng cho sản xuất và quản lý của đội xây dựng. Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp không bao gồm thuế GTGT đầu vào nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Chi phí khấu hao TSCĐ gồm chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội xây dựng.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp trực tiếp và gián tiếp.

- Phương pháp phân bổ chi phí trực tiếp: Phương pháp này được áp dụng đối với các chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đó xác định, tức là đối với các loại chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào có thể xác định được trực tiếp cho đối tượng đó, chi phí liên quan đến từng đối tượng tập hợp chi phí cụ thể đó xác định sẽ được tập hợp và quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó.

- Phương pháp phân bổ chi phí gián tiếp: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí, kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó. Theo phương pháp này, trước hết căn cứ vào chi phí phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chung các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng theo địa điểm phát sinh hoặc nội dung chi phí. Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng: TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

✚ Hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu ở phụ lục 1.6 (phần phụ lục).

1.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

❖ Đánh giá sản phẩm dở dang

Giá thành của công trình, hạng mục công trình xây lắp hoàn thành bàn giao được xác định trên cơ sở tổng cộng chi phí sản xuất kinh doanh xây lắp phát sinh từ lúc khởi công đến khi hoàn thành. Tuy nhiên, do đặc điểm của sản phẩm xây lắp, quá trình sản xuất xây lắp và phương thức thanh toán với bên giao thầu, để đáp ứng yêu cầu quản lý các doanh nghiệp xây lắp trong từng kỳ phải tính được giá thành của khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao và được thanh toán. Do đó, cần thiết phải xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ. Sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ là khối lượng sản phẩm, công việc xây lắp trong quá trình sản xuất xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý theo quy định. Khác với các doanh nghiệp sản xuất khác, trong các doanh nghiệp xây lắp, việc đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang tùy thuộc vào phương thức thanh toán với bên giao thầu.

+ Nếu thực hiện thanh toán khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành toàn bộ bàn giao thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là tổng chi phí sản xuất kinh doanh được tập hợp đến thời điểm cuối kỳ.

+ Nếu thực hiện thanh toán theo giai đoạn xây dựng hoàn thành bàn giao (theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý) thì sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý và được đánh giá theo chi phí sản xuất kinh doanh thực tế.

Trong điều kiện được thanh toán khối lượng hoàn thành theo giai đoạn xây dựng có dự toán riêng: trong trường hợp này, đối tượng tính giá thành là khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý có giá trị dự toán riêng hoàn thành. Vì vậy sản phẩm xây lắp dở dang là khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành. Do vậy, chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kì được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế đã phát sinh cho các khối lượng hay giai đoạn xây lắp đã hoàn thành và chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là chi phí dự toán. Trong đó, các khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành và được xác định theo các công thức:

Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán:

	Chi phí của khối		Chi phí sản xuất		Chi phí
Chi phí thực	lượng xây lắp dở	+	kinh doanh xây lắp		của khối
tế của khối	dang đầu kỳ		phát sinh trong kỳ		lượng xây
lượng xây lắp					lắp dở
dở dang cuối	Chi phí của khối		Chi phí của khối	x	dang cuối
kỳ	lượng xây lắp	+	lượng xây lắp dở		kỳ theo
	hoàn thành bàn		dang cuối kỳ theo		dự toán
	giao theo dự toán		dự toán		

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ hoàn thành tương đương:

$$\begin{array}{ccccccc}
\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} & = & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng giá trị dự toán của các giai đoạn xây dựng theo mức độ hoàn thành}} & \times & \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ tính theo mức độ hoàn thành}
\end{array}$$

❖ *Tính giá thành sản phẩm:*

Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm xây lắp. Trong các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau:

- *Phương pháp tính giá thành gián đơn (trực tiếp)*

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây dựng. Vì sản phẩm xây lắp đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu sản phẩm dở dang không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Theo phương pháp này, tất cả chi phí tập hợp trực tiếp được cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho tới khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó. Trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ nhưng có khối lượng công tác hoàn thành bàn giao trong kỳ thì:

$$\begin{array}{ccccccc}
\text{Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao} & = & \text{Chi phí thực tế dở dang đầu kỳ} & + & \text{Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ} & - & \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}
\end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp theo công trường hoặc cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình. Kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm hoặc hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho hạng mục công trình đó. Nếu các hạng mục công trình có thiết kế khác nhau, dự toán khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một công trình sản xuất đảm nhận nhưng không có điều kiện quản lý theo dõi việc sử dụng các loại chi phí khác nhau cho từng hạng mục công trình thì từng loại chi phí đã được tập hợp trên toàn công trình đều phải tiến hành phân bổ cho từng hạng mục công trình. Khi đó chi phí thực tế để tập hợp vào giá thành của từng hạng mục công trình sẽ là:

$$\sum Ci = \sum Gdti \times H$$

$$H = \frac{\sum C}{\sum Gdt} \times 100\%$$

Trong đó: H là tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế

$\sum C$ là tổng chi phí các hạng mục

$\sum Gdt$ là tổng giá dự toán các hạng mục

$\sum Ci$ là tổng chi phí của từng hạng mục i

$\sum Gdti$ là tổng giá dự toán của hạng mục i

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng (thầu chỉ định). Mỗi đơn đặt hàng là một công trình, hạng mục công trình hoặc từng loại công việc (như lắp đặt, sửa chữa...) khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là trùng nhau (từng đơn đặt hàng riêng rẽ), kỳ tính giá thành cũng không là kỳ báo cáo mà là khi đơn đặt hàng hoàn thành. Theo phương pháp này, các doanh nghiệp xây lắp mở riêng cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng, căn cứ vào chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo

từng đơn đặt hàng trong sổ kế toán chi tiết để ghi sang bảng tính giá thành. Khi hoàn thành đơn đặt hàng, kế toán tổng cộng chi phí đã tập hợp được trong bảng tính giá thành để tính ra giá thành cho từng đơn đặt hàng.

- Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp CPSX là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng. Khi đó, giá thành thực tế của công trình hoàn thành sẽ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành công} \\ \text{trình hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{giai đoạn} \\ 1(\text{đội1}) \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{giai đoạn} \\ 2(\text{đội2}) \end{array} \dots \begin{array}{c} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{giai đoạn n(đội n)} \end{array}$$

- Phương pháp tính giá thành theo định mức:

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp có quy trình công nghệ ổn định, có hệ thống các định mức kinh tế kỹ thuật và dự toán chi phí hợp lý. Theo phương pháp này, giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế của sản} \\ \text{phẩm xây lắp} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Giá thành định} \\ \text{mức của sản} \\ \text{phẩm xây lắp} \end{array} \pm \begin{array}{c} \text{Chênh lệch do} \\ \text{thay đổi định} \\ \text{mức} \end{array} \pm \begin{array}{c} \text{Chênh lệch} \\ \text{ngoài định} \\ \text{mức} \end{array}$$

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG

2.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

2.1.1. Tổng quan về quá trình hình thành và phát triển của công ty

❖ Giới thiệu tổng quan về Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng việt: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CONFITECH XUAN PHUONG JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CFX.,JSC

Địa chỉ: Số 7 ngõ 165 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432018395

Email: Xuanphuong2009jsc@gmail.com

Là Công ty thuộc mô hình công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0103810888 do sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2009. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi...

Công ty hiện đang làm chủ đầu tư của nhiều dự án bất động sản tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh thành phố trên cả nước. Bên cạnh đó, với cương vị là nhà thầu thi công, Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương luôn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của các chủ đầu tư, luôn đem đến cho khách hàng và xã hội các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, tiến độ nhanh nhất; đảm bảo tính an toàn, hiệu quả trên mỗi công trình.

❖ Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng nhà dân dụng và công nghiệp; xử lý nền móng thi công cọc nhồi mini
- Lắp dựng hệ giáo an toàn, cung cấp lưới chắn bụi cho công trình nhà dân dụng
- Thiết kế, thi công nội thất, cung cấp lắp đặt thiết bị dân dụng
- ❖ *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty*

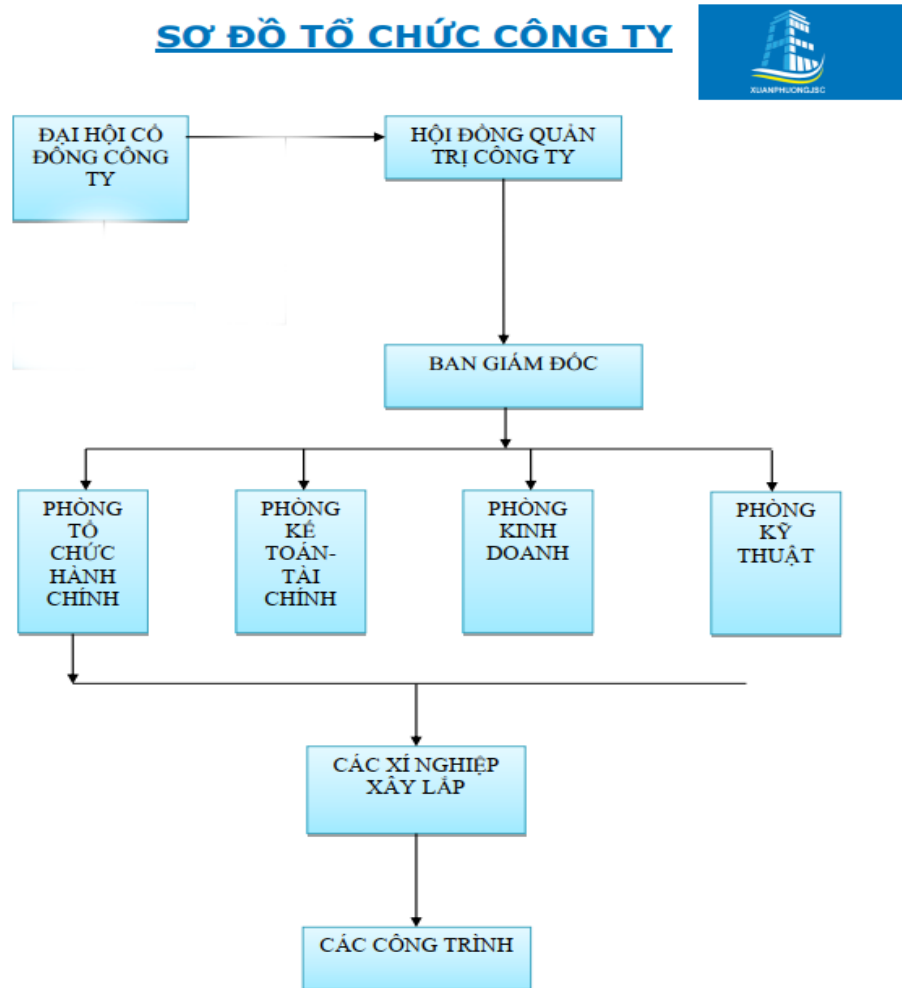
Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương (Tên giao dịch tiếng Anh: Confitech Xuan Phuong Joint Stock Company) là một pháp nhân hoạt động theo luật pháp hiện hành, chịu sự chi phối chính theo luật Doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103810888 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2009. Trong suốt những năm qua kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty đã vượt qua không ít những khó khăn, trở ngại. Để từ đó công ty không ngừng đổi mới, nâng cao năng suất hoạt động, nhằm tiến tới sự phát triển chung cho toàn công ty.

Do đó mà trong những năm qua công ty đã tạo ra được nhiều uy tín của mình trên thị trường, thu hút được khá nhiều sự hợp tác của khách hàng. Bên cạnh đó để mở rộng quy mô hoạt động, công ty đã nhận được sự tin cậy từ phía khách hàng thông qua những bản hợp đồng lớn, kí kết về việc xây dựng, thiết kế và tư vấn, lắp đặt nhiều dự án. Công ty đã khẳng định được năng lực của mình qua nhiều công trình, dự án mà công ty đã và đang tham gia triển khai với tư cách là nhà thầu như: Công trình Thi công nhà xưởng Shynmyng Factory- Khu công nghiệp Đồng Văn, Hà Nam; Thi công mái sảnh, hoàn thiện công trình Bệnh viện Ung Bướu, phường Bồ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Hiện nay, công ty đang làm nhà thầu của nhiều dự án bất động sản tại các thành phố lớn. Với cương vị là nhà thầu thi công, Công ty luôn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của các chủ đầu tư, luôn đem đến cho khách hàng và xã hội các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, tiến độ nhanh nhất; đảm bảo tính an toàn, hiệu quả trên mỗi công trình.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động kinh doanh của công ty

❖ Bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị đại diện cho cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty.

- Ban Giám đốc: bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

- Phòng Tổ chức Hành chính: Phòng Tổ chức Hành chính có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty; thực hiện công tác tổ chức, quản lý lao động và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, quản lý công tác hành chính, quản trị, văn thư lưu trữ của Công ty.

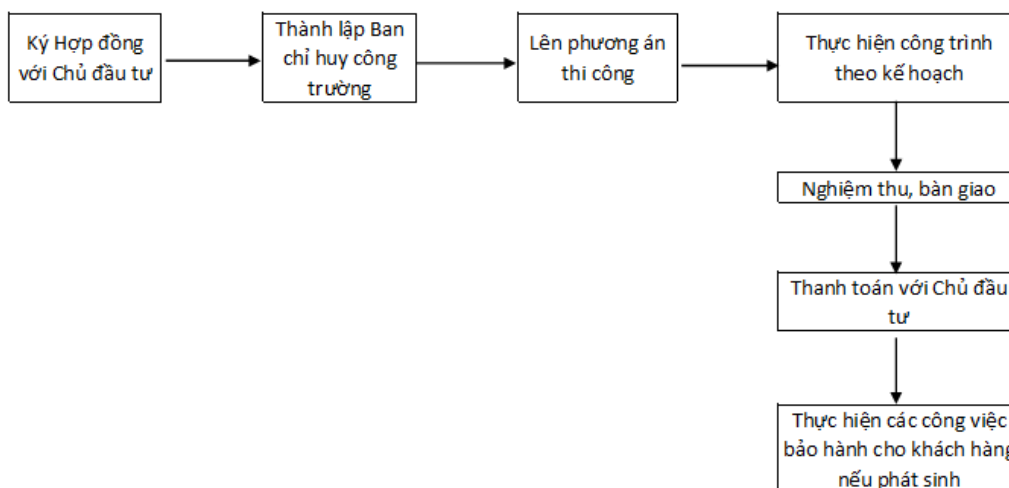
- Phòng Kế toán- Tài chính: thu thập, xử lý thanh toán số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc theo chuẩn mực và chế độ kế toán - kiểm toán; kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán; phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính của Công ty; tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán theo đúng quy định. Lập và nộp đúng hạn các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo khác. Phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí, vốn, quỹ. Hướng dẫn kịp thời các chế độ, chính sách tài chính theo quy định. Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

- Phòng kinh doanh: phân tích hiệu quả kinh tế, kỹ thuật các công trình, các dự án đầu tư; Phối hợp với các phòng ban của Công ty quản lý về lĩnh vực kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật, đầu tư, thi công, công tác vật tư.

- Phòng Kỹ thuật: Quản lý và thực hiện các dự án lớn của công ty, báo cáo kỹ thuật, tiến độ, kết quả thực hiện các dự án; Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty để tổ chức nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ quyết toán các hạng mục công trình, các dự án đầu tư khi hoàn thành

- Các xí nghiệp/ các tổ đội thi công: Các tổ đội thi công tại công trường bao gồm các kỹ sư, công nhân lành nghề hoạt động nhiều năm trong các lĩnh vực xây dựng.

❖ *Tổ chức kinh doanh*



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kinh doanh Công ty

Bước 1: Bộ phận kinh doanh sẽ lên kế hoạch, tìm kiếm, tạo mối quan hệ với khách hàng để tiếp cận, giới thiệu về năng lực Công ty. Chuẩn bị các thông tin về dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho khách hàng và những lợi ích mà họ nhận được. Sau khi bàn bạc, thương lượng, hai bên sẽ tiến hành đi đến thương thảo hợp đồng và ký hợp đồng chính thức

Bước 2: Sau khi có hợp đồng, ban lãnh đạo cùng với phòng kinh doanh và phòng Kỹ thuật sẽ tiến hành thành lập Ban chỉ huy công trường, nhân sự được cử đi từ 2 phòng này sẽ nằm trong Ban chỉ huy

Bước 3: Sau khi được thành lập, Ban chỉ huy tiến hành lập phương án thi công công trình trình trước hội đồng ban giám đốc, phòng kinh doanh và phòng kỹ thuật, phòng kế toán.

Bước 4: Sau khi kế hoạch được duyệt, các bộ phận liên quan sẽ tiến hành thực hiện công trình

Bước 5: Sau khi công trình được hoàn thành, căn cứ vào hợp đồng đã ký kết và sản phẩm thực hiện được, Ban chỉ huy công trường tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư, thực hiện các hồ sơ liên quan đến nghiệm thu công trình

Bước 6: Căn cứ vào hồ sơ đã nghiệm thu, Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tiền với công ty

Bước 7: Căn cứ vào điều khoản bảo hành trên hợp đồng, công ty sẽ thực hiện dịch vụ bảo hành nếu phát sinh sự cố xảy ra

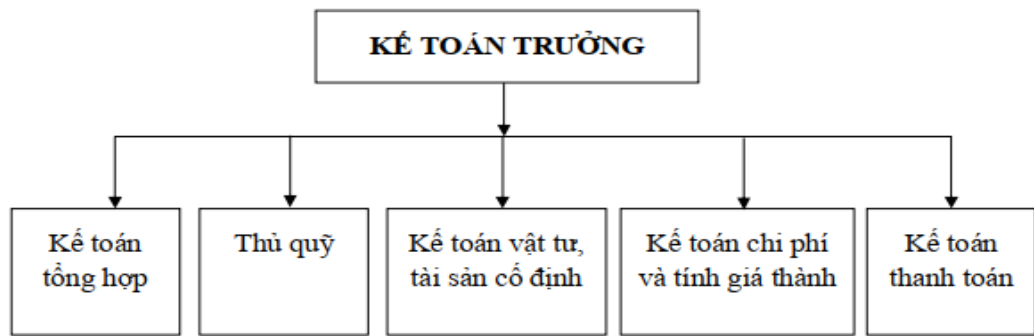
Đặc điểm hoạt động, đặc điểm quản lý của công ty ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm một cách sâu sắc. Các phòng ban được sắp xếp, tổ chức một cách tương đối hợp lý và đều là những phòng có chức năng cơ bản cần thiết trong mỗi doanh nghiệp sản xuất, do vậy bộ máy đã tương đối gọn nhẹ, đơn giản tạo điều kiện cho việc phối hợp thực hiện công tác tập hợp chi phí một cách thuận lợi, trơn tru. Tuy nhiên, đơn vị vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau:

- Công ty chưa có Ban thẩm định để tiến hành rà soát, đánh giá các loại chi phí về tính cần thiết và hợp lý, thiết lập các quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ, nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận, thất thoát và lãng phí.

- Việc luân chuyển hồ sơ giữa các phòng ban và các tổ đội đều được thực hiện thông qua hình thức truyền thống qua nhiều phòng, chưa ứng dụng công nghệ thông tin nên việc tập hợp chi phí còn chậm chễ, nhiều thiếu sót, việc thu thập thông tin chưa đầy đủ và kịp thời

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp

- ❖ Bộ máy kế toán của Công ty tổ chức theo hình thức tập trung như sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức phòng Kế toán- Tài chính tại Công ty

- Kế toán trưởng: Phụ trách chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, điều hành công việc chung trong phòng, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Công ty về nghiệp vụ chuyên môn kế toán - tài chính và mọi hoạt động của phòng. Với chức năng là giúp Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật, phù hợp với mô hình sản xuất của Công ty, giúp giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính kế toán, luật quản lý thuế và các quy định tài chính ghi trong điều lệ của Công ty.

- Kế toán tổng hợp: Theo dõi tổng quát và thực hiện thanh quyết toán với các đối xây lắp. Hạch toán phân hành phụ trách, thực hiện lập các báo cáo tài chính định kỳ gửi các cơ quan chức năng theo quy định và báo cáo quản trị định kỳ và khi có yêu cầu. Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trích lập quỹ, bảo quản lưu trữ các tài liệu số liệu kế toán. Thực hiện tính lương và hạch toán lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Có nhiệm vụ đơn đốc các tổ đội tập hợp và chuyển chứng từ về Công ty đúng tiến độ; thực hiện xử lý, kiểm tra và cân đối chi phí, tính toán và hạch toán giá thành sản phẩm xây lắp.

- Kế toán vật tư, TSCĐ: Tập hợp chứng từ vật tư, tài sản, hạch toán chi tiết tổng hợp theo dõi nhập - xuất - tồn, theo hai chỉ tiêu là số lượng và giá trị, đồng thời phải theo dõi vật tư theo từng nhóm, từng loại và vật tư cung cấp

cho từng hạng mục công trình. Bên cạnh đó phải theo dõi chi tiết sự biến động của tài sản cố định thông qua các chỉ tiêu, nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

- Kế toán thanh toán: tổ chức hạch toán chi tiết tổng hợp tình hình thu chi-tồn quỹ tiền mặt, thanh toán nội bộ và bên ngoài Công ty. Theo dõi, hạch toán và đối chiếu tài khoản ngân hàng, thực hiện nộp các khoản thuế theo quy định, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện hạn mức vay vốn tại các ngân hàng và làm các thủ tục để giải ngân vay vốn tại ngân hàng khi Công ty có nhu cầu.

- Thủ quỹ: trực tiếp thu - chi theo hóa đơn, chứng từ; chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt của Công ty; thực hiện một số công việc khác theo yêu cầu của Kế toán trưởng.

❖ Hiện nay, Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương hiện tại đang áp dụng hình thức “Kế toán tập trung” tức là toàn bộ công tác kế toán đều được tiến hành tập trung tại phòng Kế toán - tài chính của Công ty.

- Chế độ kế toán: Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính

- Kỳ kế toán: Theo năm từ 01/01/N đến 31/12/N

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng(VNĐ)

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

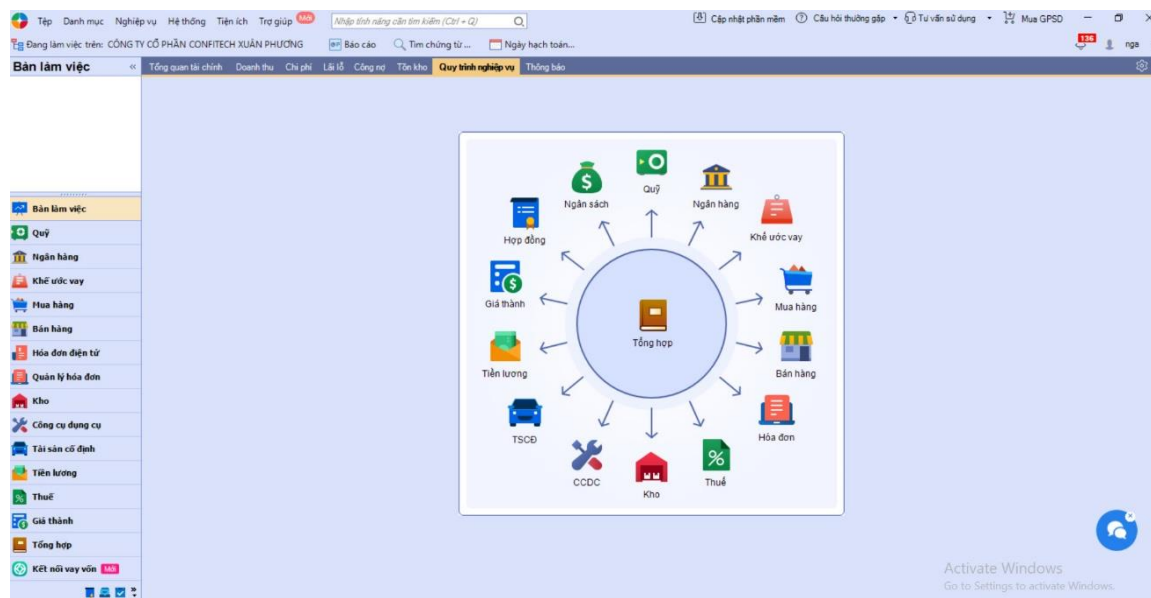
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho; Kế khai thường xuyên

- + Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho: Nhập trước xuất trước

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng

- Phần mềm kế toán công ty sử dụng là phần mềm Misa SME R20 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp. Misa SME có

thể tự động sao lưu những dữ liệu của doanh nghiệp và tổng hợp lên báo cáo một cách nhanh chóng, dễ hiểu, giúp công việc của thủ quỹ, thủ kho, kế toán tiết kiệm hơn về mặt thời gian, làm việc chính xác, hiệu quả hơn.



2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

2.2.1. Đặc điểm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.

Sản phẩm xây lắp của công ty là các công trình, hạng mục công trình xây dựng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian thi công kéo dài và phân tán. Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn tất cả các điều kiện sản xuất như xe máy, lao động, vật tư.... đều phải di chuyển theo địa điểm của công trình xây lắp.

Công tác xây lắp do công ty nhận thầu và chỉ được tiến hành sản xuất sau khi có đơn đặt hàng (hợp đồng giao thầu) của chủ đầu tư (người giao thầu, người mua sản phẩm) nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công là khác nhau giữa các công trình.

Từ những đặc điểm trên đây, để thuận tiện cho việc tính giá thành sản phẩm và phân tích cơ cấu chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm, công ty

sử dụng cách phân loại theo khoản mục chi phí để phân loại chi phí sản xuất. Theo cách này chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành bốn khoản mục chính: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

2.2.2. Đối tượng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

Với đặc điểm của sản phẩm là thời gian sản xuất dài, sản phẩm mang tính chất đơn chiếc, giá trị sản phẩm lớn nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương là các công trình, hạng mục công trình, có thể là nhóm các hạng mục công trình, các giai đoạn công việc xây lắp, từng đơn đặt hàng theo hợp đồng xây dựng hoặc đơn vị thi công và được quy định như sau:

- Các công trình nào có giá trị nhỏ, thời gian thi công dưới 1 năm thì đối tượng tính giá thành là các công trình hoàn thành, bàn giao.

- Công trình nào có giá trị lớn, thời gian thi công dài, trong nhiều năm thì sẽ được tách thành các công trình, hạng mục nhỏ để dễ dàng trong việc kiểm soát và tập hợp chi phí cũng như thanh toán với Chủ đầu tư.

Để minh họa cho thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, đề án xin lấy minh họa công trình: Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh.

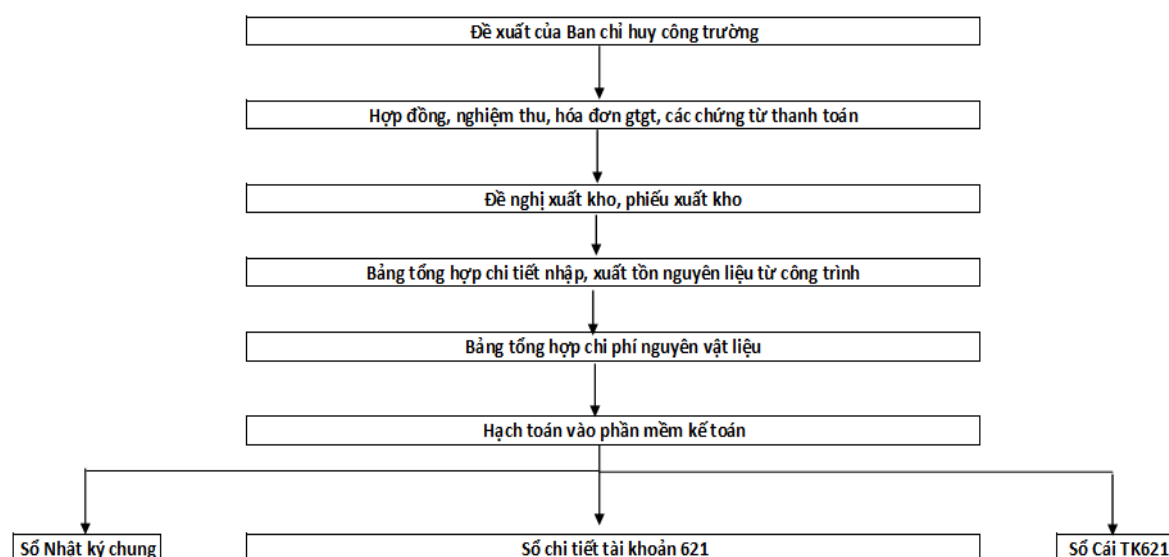
2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất trong Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

❖ Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp:

Trong Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí quan trọng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị công trình. Loại chi phí này có sự phát sinh liên tục và có nhiều biến động trong quá trình thi công công trình đặc biệt là đối với các công trình xây dựng. Do vậy, việc hạch toán đầy đủ và chính xác loại chi phí này là công việc vô

cùng quan trọng để từ đó xác định được chính xác giá thành sản phẩm. Tài khoản được sử dụng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là tài khoản 621.

Thi công công trình: Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh, công ty chủ yếu sử dụng các loại vật liệu như cát, đá, xi măng... Là loại chi phí trực tiếp nên chi phí nguyên vật liệu được hạch toán trực tiếp vào hạng mục công trình theo giá thực tế của loại vật liệu đó. Giá trị nguyên vật liệu bao gồm giá trị thực tế của nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ phục vụ cho việc thi công công trình, không bao gồm giá trị nguyên vật liệu sử dụng cho máy thi công, phục vụ quản lý đội.



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công trình thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh được công ty cung ứng nguyên vật liệu qua hình thức mua trực tiếp từ người bán chuyển thẳng đến chân công trường. Trên cơ sở đề xuất của Ban chỉ huy công trường, phòng kỹ thuật kết hợp với phòng Kế toán trên Công ty sẽ liên hệ, làm các thủ tục như ký kết Hợp đồng, thanh toán với bên bán sau đó nhập kho nguyên vật liệu tại chân công trình. Đối với các vật liệu chính, có giá trị lớn như: cát, đá, xi măng...thì yêu cầu

nhập kho 152 tại kho công trường, còn với các vật liệu phụ, nhỏ, lẻ như đinh, ốc, que hàn ... thì cho thẳng vào chi phí công trình 621.

Khi có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, kỹ sư chính tiến hành làm đề nghị xuất kho, kế toán công trình tiến hành làm phiếu xuất kho bản chứng từ giấy (Phụ lục 2.1) gửi lên Ban chỉ huy công trường duyệt đề xuất kho từ kho công trình. Hàng tháng, Ban chỉ huy công trường lập bảng kê nguyên vật liệu nhập kho, xuất dùng, tồn còn lại (Phụ lục 2.2), bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Phụ lục 2.3) gửi phòng kế toán để hạch toán trên Công ty.

Sau khi công trình hoàn thành, các vật tư còn thừa sẽ tiến hành nhập lại kho hoặc điều chuyển đến công trình khác đang cần sử dụng, đối với các vật liệu hư hỏng sẽ tiến hành thanh lý.

Máy tự động đưa số liệu vào sổ kế toán liên quan: Sổ chi tiết vật tư hàng hóa (theo giá) (phụ lục 2.4), sổ chi tiết TK 621 (phụ lục 2.5), sổ cái TK 621 (phụ lục 2.6), sổ nhật ký chung (phụ lục 2.20). Sau khi nhập liệu xong, kế toán sẽ sắp xếp và lưu giữ chứng từ theo đúng quy định.

Ví dụ: ngày 02/02/2023, Công ty Xuân Phương theo đề xuất của kỹ sư chính công trình là Ông Lý Ngọc Diễn và được Ban chỉ huy chấp thuận yêu cầu xuất kho Orion Bắc Ninh 100 tấn xi măng để thi công. Kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm như sau:

Xuất kho công trình Orion Bắc Ninh:

Nợ TK621: 95.454.547

Có TK 152: 95.454.547

Trên bàn làm việc trong phần mềm, ấn chọn phân hệ Kho, chọn xuất kho, màn hình hiện phiếu xuất kho, kế toán tiến hành nhập các thông tin về người nhận, lý do xuất, vật tư xuất, kho xuất, số lượng xuất, công trình cần tập hợp chi phí (*do phần mềm đã có cửa sổ để chọn công trình phát sinh chi phí nên chi phí công trình nào đã được tập hợp vào công trình đấy. Do vậy,*

công ty không cần mở sổ chi tiết của tài khoản 621 đối với mỗi công trình). Sau đó ấn ghi.

Kế toán tiến hành tính giá xuất kho bằng cách vào phân hệ kho, chọn tính giá xuất kho, chọn thời gian tính giá rồi chọn thực hiện, phần mềm căn cứ vào việc chọn phương pháp tính giá xuất kho mà công ty cài đặt lúc ban đầu để tự động tính ra giá xuất kho trên các **phiếu xuất kho** bản trên phần mềm như dưới đây:

Phiếu xuất kho 2. Sản xuất Nhập lệnh sản xuất

Thông tin chung

Người nhận: NV00009 Lý Ngọc Diễm

Bộ phận: Công trình Orion Bắc Ninh

Lý do xuất: Xuất phục vụ xây dựng

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 02/02/2023

Ngày chứng từ: 02/02/2023

Số chứng từ: XK00044

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Công trình
Xi măng PCB40	Xi măng The Vissai bao PCB40	Kho Orion Bắc Ni	621	152	Tấn	100,000	954.545.4700	95.454.547	Orion Bắc Ninh
Số dòng = 1						100,00...		95.454.547	

Sơ đồ 2.5: Phiếu xuất kho bản thể hiện trên phần mềm

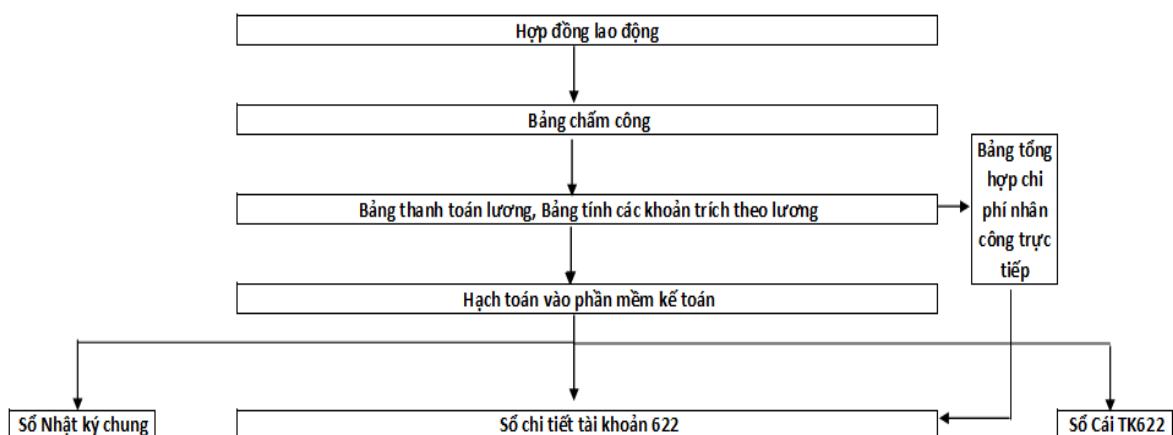
❖ *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:*

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành các công trình tại các công ty và có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ của công ty với người lao động do công ty quản lý và sử dụng. Do vậy việc hạch toán đúng, đủ chi phí nhân công trực tiếp không chỉ góp phần vào việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tính lương, trả

lương chính xác, kịp thời cho người lao động. Hiện tại, công ty sử dụng tài khoản 622 để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.

Hiện nay, việc ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp ở công ty bao gồm lương của lực lượng lao động. Có hai loại là: lương công nhân viên chức trong danh sách (hợp đồng dài hạn) và lương công nhân viên chức ngoài danh sách (công nhân theo tổ đội giao khoán).

•Đối với chi phí lương của công nhân viên chức trong danh sách, công ty trả lương theo tháng (có quy chế trả lương riêng dựa theo cấp bậc, năng lực và công việc thực tế hoàn thành của từng người) nên được hạch toán chi phí theo tháng. Bộ phận này bao gồm công nhân trực tiếp sản xuất đối với những công việc mang tính kỹ thuật cao và kỹ sư giám sát trực tiếp



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp
(Bộ phận công nhân viên Hợp đồng dài hạn)**

Hàng tháng, ban chỉ huy công trình lập bảng chấm công gửi về phòng Kỹ thuật và được Ban Giám đốc phê duyệt sau đó gửi xuống phòng Kế toán để Bộ phận kế toán lập bảng thanh toán lương (phụ lục số 2.7) cho các cá nhân. Căn cứ vào bảng lương được giám đốc phê duyệt, kế toán tiến hành hạch toán chi phí nhân công trực tiếp vào phần mềm kế toán. Đối với phần chi phí nhân công, kế toán thực hiện tính toán chi tiết từng cá nhân bằng excel sau đó hạch toán số tổng hợp vào phần mềm đối với từng công trình để đảm bảo

tính linh động trong việc tính lương nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu theo dõi chi phí đối với công trình.

Tương tự như đối với các loại chi phí khác, phần mềm đã có ô tích chọn công trình phát sinh chi phí khi kế toán hạch toán. Do vậy không cần mở các tài khoản chi tiết của tài khoản 622 để theo dõi cho từng công trình

Sau khi nhập liệu xong phần mềm sẽ đưa số liệu vào các sổ chi tiết liên quan như sổ chi tiết TK 622 (Sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp) (phụ lục số 2.10), Tk 334 (Phải trả người lao động), sổ nhật ký chung (phụ lục 2.20).

Nhập liệu xong, kế toán sẽ sắp xếp và lưu trữ chứng từ theo đúng quy định. Đến khi kết thúc năm tài chính, kế toán tiền lương có trách nhiệm thực hiện quyết toán thuế TNCN cho người lao động

Ví dụ: Căn cứ vào bảng lương được Giám đốc phê duyệt (**phụ lục 2.7**) kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm kế toán. Kế toán hạch toán chi phí nhân công trực tiếp (bao gồm bộ phận kỹ sư tham gia giám sát trực tiếp và công nhân công trình) của công ty như sau:

Kế toán hạch toán chi phí tiền lương:

Nợ TK 622: 70.279.200đ (Tổng thu nhập miễn thuế và tổng thu nhập chịu thuế của bộ phận kỹ sư tham gia giám sát trực tiếp và công nhân công trình 8.000.000đ + 62.279.200 đ)

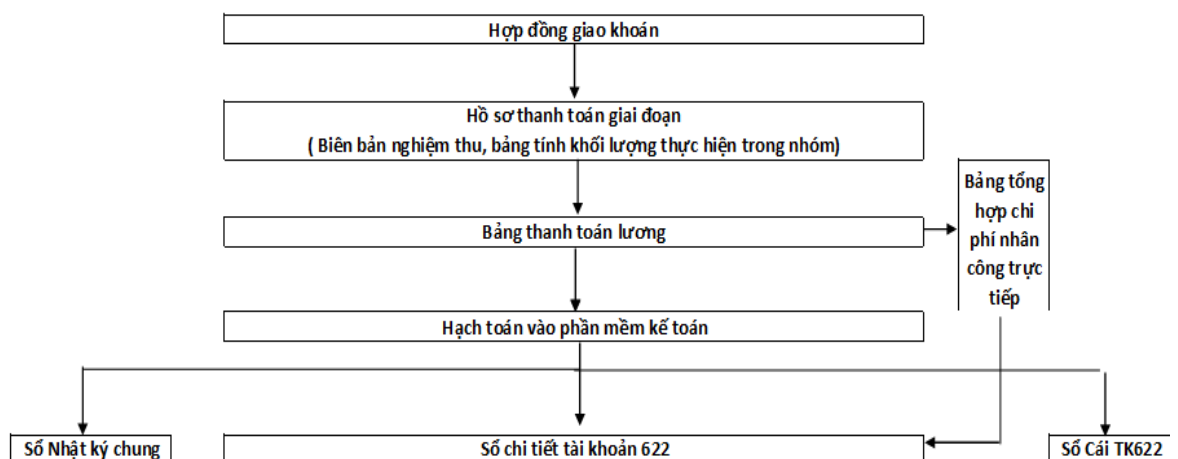
Có TK 334: 70.279.200đ

Trên bàn làm việc trong phần mềm vào phân hệ tổng hợp, chọn chứng từ nghiệp vụ khác, nhập các thông tin diễn giải, số tiền nợ, có và chọn công trình. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện như dưới đây:

[illegible]

**Sơ đồ 2.7: Chứng từ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp
(Bộ phận công nhân viên Hợp đồng dài hạn)**

- Đối với chi phí lương của công nhân thuê khoán, công ty áp dụng ký hợp đồng giao khoán với các tổ công nhân tại địa phương đối với các công việc đơn giản như phá dỡ, xây, trát...do vậy việc hạch toán, thanh toán sẽ căn cứ vào hồ sơ thanh toán giai đoạn.



**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí nhân công giao khoán
(Bộ phận công nhân giao khoán)**

Sau khi ký Hợp đồng giao khoán và khối lượng công việc hoàn thành đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Tổ thi công sẽ tiến hành gửi bộ hồ sơ nghiệm thu, thanh toán giai đoạn bao gồm biên bản nghiệm thu khối lượng với ban quản lý công trường, bảng tính khối lượng thực hiện của các thành viên trong tổ thi công. Sau đó kế toán công ty lập bảng thanh toán lương (phụ lục số 2.8) sau khi trích 10% thuế TNCN đối với thu nhập của từng cá nhân trong tổ thi công. Toàn bộ việc thanh toán chi phí nhân công trực tiếp dưới công trình vẫn được kế toán công trình theo dõi trên bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp (phụ lục 2.9) để định kỳ gửi về phòng kế toán thực hiện đối chiếu với sổ chi tiết hạch toán tại công ty.

Ví dụ: Thực hiện công trình Orion Bắc Ninh, ngày 03/02/2023, Công ty ký Hợp đồng với từng cá nhân trong nhóm nhân công do ông Bùi Văn Huyền là đại diện, tổng giá trị các hợp đồng là 350.000.000đ, thời hạn thực hiện hợp đồng 50 ngày, số lượng thành viên 15 người thực hiện công tác phá dỡ, xây phần thô của công trình, lát nền. Ngày 26/02/2023, sau khi nhận được đầy đủ các bên bản nghiệm thu của tổ được ban chỉ huy công trường xác nhận và phần trăm thực hiện công việc của các cá nhân trong tổ mà tổ gửi lên, công ty thực hiện thanh toán giai đoạn 50% khi đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý, khấu trừ thuế TNCN, sau khi hoàn thành xong thanh toán nốt 50% giá trị công trình còn lại

Kế toán hạch toán như sau:

Thanh toán giai đoạn 1 (50%):

Giá trị được thanh toán: $350.000.000đ \times 50\% = 175.000.000đ$

Kế toán hạch toán trên phần mềm:

Ghi nhận chi phí:

Nợ TK 622: 175.000.000đ

Có TK 334: 175.000.000đ

Trên bàn làm việc trong phần mềm vào phân hệ tổng hợp, chọn chứng từ nghiệp vụ khác, nhập các thông tin diễn giải, số tiền nợ, có và chọn công trình phát sinh chi phí. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện như dưới đây:

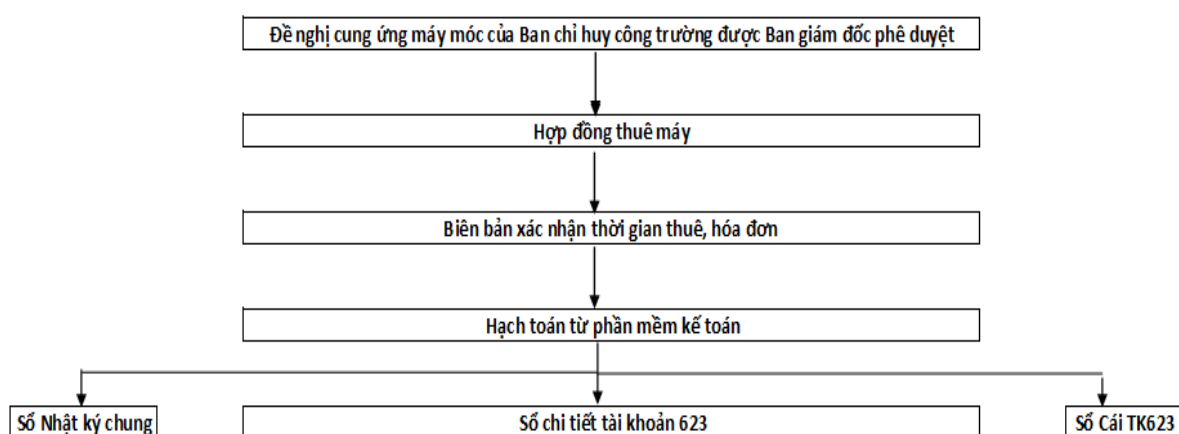
[illegible]

**Sơ đồ 2.9: Chứng từ hạch toán chi phí nhân công giai đoạn 1
(lao động giao khoán)**

Máy tự động đưa số liệu vào sổ kế toán liên quan: Sổ chi tiết TK 622 (phụ lục 2.10), Sổ cái TK 622 (phụ lục 2.11), sổ nhật ký chung (phụ lục 2.20). Sau khi nhập liệu xong, kế toán sẽ sắp xếp và lưu giữ chúng từ theo đúng quy định. Tương tự như đối với phần chi phí cho nhân công trong danh sách, những chi phí lương của bộ phận công nhân giao khoán cũng được kế toán công trình theo dõi trong bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp (phụ lục 2.9) để định kỳ gửi về phòng kế toán thực hiện đối chiếu với sổ chi tiết hạch toán tại công ty

❖ **Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:**

Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng phương pháp thuê máy tại địa phương khi thực hiện các công trình để tránh chi phí mua ban đầu và tốn kém về chi phí bảo trì, bảo dưỡng, khấu hao; không phải giải quyết các vấn đề về lưu trữ thiết bị, lại có thể mang tính linh động đối với địa điểm xây dựng công trình, có thể có máy sử dụng một cách nhanh chóng



Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

Khi có nhu cầu thuê máy, căn cứ vào đề xuất của Ban chỉ huy công trường, Giám đốc thường đứng ra ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó nêu rõ: tên máy móc thiết bị, thời gian dự kiến thuê, giá cho thuê, phương thức thanh toán. Đối với các máy móc thiết bị thuê ngoài, công ty thường thuê thiết bị kèm theo công nhân vận hành. Chi phí thuê máy thường không bao gồm chi phí nhiên liệu.

Sau quá trình thực hiện, kế toán công trình tiến hành tập hợp các giấy tờ, chứng từ thuê máy bao gồm hóa đơn gtgt, biên bản xác nhận thời gian thuê thiết bị...và lập bảng tổng hợp chi tiết chi phí máy thi công (phụ lục 2.12) gửi về công ty. Kế toán công ty có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của chứng từ sau đó hạch toán vào phần mềm kế toán.

Sau khi nhập liệu xong, kế toán sẽ sắp xếp và lưu giữ chứng từ theo đúng quy định.

Ví dụ 1: Ngày 06/02/2023, công ty có thuê 01 máy xúc đào để phục vụ thi công công trình Orion Bắc Ninh với tổng số tiền là 50.000.000đ(1 tháng). Giá chưa bao gồm thuế GTGT, chưa trả tiền người bán

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6237: 50.000.000đ

Nợ TK 1331: 5.000.000đ

Có TK 331: 55.000.000đ

Trong giao diện bàn làm việc trên phần mềm, chọn phân hệ mua dịch vụ, nhập các thông tin liên quan như: ngày tháng, phương thức thanh toán, thông tin bên bán, thông tin dịch vụ, tài khoản hạch toán, số tiền, **chọn công trình phát sinh chi phí**. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện chứng từ như dưới đây:

Chứng từ mua dịch vụ

☐ Chưa thanh toán ☐ Thanh toán ngay ☐ Nhận kèm hóa đơn ☐ Là chi phí mua hàng

Chứng từ ghi nợ ĐẤY NHẬN HÓA ĐƠN

Thông tin chung

Nhà cung cấp: HOÀNG MINH PHÁT CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HOÀNG MINH PHÁT

Diễn giải: Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HOÀNG MINH PHÁT

NV mua hàng:

Tham chiếu:

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán: Thêm nhắc việc...

1. Hạch toán **2. Thuế** **3. Thống kê**

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí	TK công nợ	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Công trình
Thuê Máy xúc đào	Thuê Máy xúc đào	6237	331	HOÀNG MINH PH	CÔNG TY TNHH PHÁT TRI	Tháng	1.0000	50.000.000.0000	50.000.000	Orion Bắc Ninh
Số dòng = 1							1.0000		50.000.000	

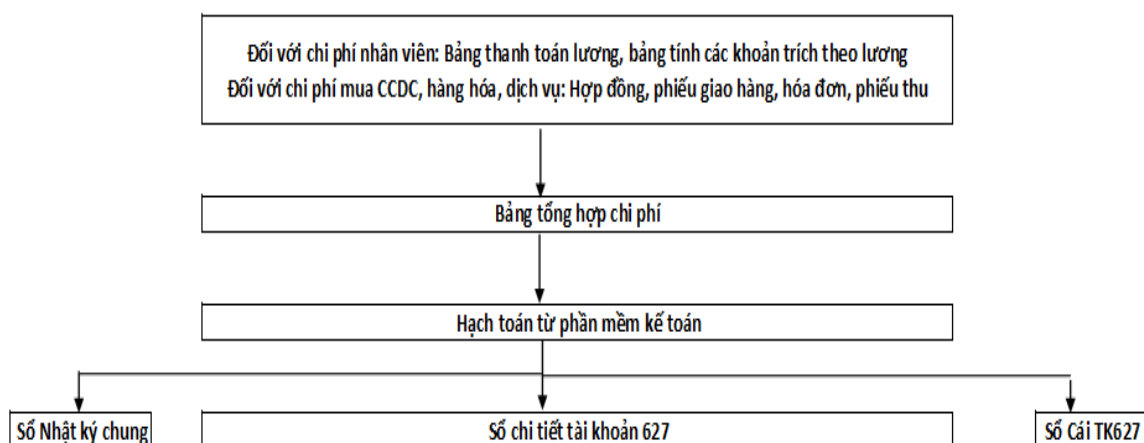
Tổng cộng: Tiền dịch vụ: 50.000.000, Tiền thuế GTGT: 5.000.000, Tiền chiết khấu: 0, Tổng tiền thanh toán: 55.000.000

Sơ đồ 2.11: Chứng từ mua dịch vụ thuê máy thi công

Sau khi nhập liệu phần mềm kế toán sẽ tự đưa ra số liệu vào các sổ kế toán liên quan như: Sổ chi tiết TK 623 (phụ lục số 2.13), sổ cái TK 623 (phụ lục số 2.14), sổ nhật ký chung (phụ lục số 2.20)

❖ Chi phí sản xuất chung:

Để tập hợp chi phí quản lý và phục vụ thi công ở các đội xây lắp theo quy trình phân bổ hoặc kết chuyển chi phí sản xuất chung vào các đối tượng xây lắp có liên quan, tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương các khoản chi phí sản xuất chung được tập hợp vào tài khoản 627– chi phí sản xuất chung



Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung

Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung bao gồm:

- **Chi phí nhân viên công trình:** Bao gồm chi phí về tiền lương nhân viên quản lý công trình, ban chủ nhiệm công trình, các khoản đóng BHXH của đơn vị đối với công nhân trực tiếp được kế toán tập hợp, tính toán như đối với khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản sử dụng là 6271

Đối với công trình Orion Bắc Ninh thì chi phí tài khoản 6271 là lương của Ban chỉ huy công trường bao gồm trưởng ban QLDA, phó ban QLDA, thẩm định, kế toán- hành chính, khoản chi phí đóng bảo hiểm cho ban quản lý và người lao động trực tiếp tham gia xây dựng mà công ty phải đóng. Đối với bộ phận công nhân viên chức trong danh sách, Công ty tiến hành trích Bảo hiểm đúng quy định hiện hành. Mức lương tối thiểu đóng BHXH hiện nay công ty đang áp dụng là: 5.007.600đ/tháng.

Trong quá trình hai tháng thực hiện, bộ phận ban quản lý này chỉ thực hiện cho công trình Orion Bắc Ninh do vậy chi phí phát sinh bao nhiêu hạch toán vào bấy nhiêu, không cần phân bổ với các công trình khác.

+ Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng (phụ lục 2.7) kế toán hạch toán lương của bộ phận ban quản lý:

Nợ TK 6271: 49.689.600đ

Có TK 334: 49.689.600đ

Trên giao diện bàn làm việc trên phần mềm, chọn phân hệ tổng hợp, chọn chứng từ nghiệp vụ khác, ấn thêm, chứng từ nghiệp vụ khác hiện lên, kế toán tiến hành nhập liệu các thông tin về ngày tháng, diễn giải, tài khoản hạch toán, số tiền, **công trình phát sinh chi phí**, ấn ghi. Phần mềm sẽ cho ra các chứng từ kế toán như sau:

The screenshot displays the 'Chứng từ nghiệp vụ khác' (Other Business Voucher) form. The 'Diễn giải' (Description) field contains 'Hạch toán lương Ban quản lý tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh'. The 'Hạn thanh toán' (Payment Due Date) is empty. The 'Tham chiếu' (Reference) field has a magnifying glass icon. On the right, the 'Chứng từ' (Voucher) section shows 'Ngày hạch toán' (Accounting Date) as 28/02/2023, 'Ngày chứng từ' (Voucher Date) as 28/02/2023, and 'Số chứng từ' (Voucher Number) as NVK310. Below the form is a table with columns: Diễn giải, TK Nợ, TK Có, Số tiền, Công trình, Đơn đặt hàng, Hợp đồng bán, and CP khác. The first row shows a debit to TK 6271 and a credit to TK 3341 for the amount 49.689.600, with the project name 'Orion Bắc Ninh' highlighted in yellow. The bottom of the table shows a total debit of 49.689.600.

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Công trình	Đơn đặt hàng	Hợp đồng bán	CP khác
Hạch toán lương Ban quản lý tháng 02/	6271	3341	49.689.600	Orion Bắc Ninh			
Số dòng = 1			49.689.600				

Sơ đồ 2.13: Chứng từ hạch toán chi phí tiền lương của ban quản lý
 + Căn cứ vào bảng trích các khoản giảm trừ theo lương (phụ lục 2.15), kế toán hạch toán các khoản trích BHXH Công ty chi trả đối với bộ phận ban quản lý:

Nợ TK 6271: 4.306.536 đ

Có TK 3383: 3.505.320 đ

Có TK 3384: 600.912 đ

Có TK 3386: 200.304 đ

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Giúp Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung
Diễn giải: Hạch toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị đối với BQL công trình Orion Bắc Ninh
Hạn thanh toán:
Tham chiếu:

Chứng từ
Ngày hạch toán: 28/02/2023
Ngày chứng từ: 28/02/2023
Số chứng từ: NVK312

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng THCP	Công trình	Đơn đặt hàng	Hợp
Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/202	6271	3383	3.505.320		Orion Bắc Ninh		
Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023	6271	3384	600.912		Orion Bắc Ninh		
Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023	6271	3386	200.304		Orion Bắc Ninh		
Số dòng = 3			4.306.536				

Sơ đồ 2.14: Chứng từ chi phí các khoản trích BHXH Công ty chi trả đối với bộ phận ban quản lý

+ Căn cứ vào bảng trích các khoản giảm trừ theo lương (phụ lục 2.15), kế toán hạch toán các khoản trích BHXH Công ty chi trả đối với bộ phận người lao động trực tiếp (bộ phận kỹ sư và công nhân):

Nợ TK 627(1): 8.613.072 đ (= 3.229.902đ + 5.383.170đ)

Có TK 3383: 7.010.640 đ

Có TK 3384: 1.201.824 đ

Có TK 3386: 400.608 đ

Ví dụ: Ngày 03/02/2023, Công ty có mua một lô công cụ dụng cụ có giá trị trước thuế là 12.210.000đ đưa thẳng đến chân công trình và đưa vào sử dụng ngay không qua nhập kho.

Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6273:12.210.000đ

Nợ TK 133: 1.221.000đ

Có TK 331: 13.431.000đ

Trong giao diện bàn làm việc trên phần mềm, chọn phân hệ mua hàng hóa, chọn mua hàng trong nước không qua kho, nhập các thông tin liên quan như: ngày tháng, phương thức thanh toán, thông tin bên bán, các loại mặt hàng, tài khoản hạch toán, số tiền, công trình phát sinh chi phí. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện chứng từ như dưới đây:

Chứng từ mua hàng

2. Mua hàng trong nước không qua kho

Chưa thanh toán Thanh toán ngay Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp: MINH HUY CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI MINH HUY

Diễn giải: Mua hàng của CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI MINH HUY theo hóa đơn 35

NV mua hàng:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 03/02/2023

Ngày chứng từ: 03/02/2023

Số chứng từ: MH00359

Điều khoản TT: Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán: Thêm nhắc việc...

Mã hàng	Tên hàng	TK chi phí	TK công nợ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng giá trị	Công trình
ván khuôn	ván khuôn	6273	331	10,000	220,000,000	2,200,000	2,200,000	Orion Bắc Ninh
cuốc	cuốc	6273	331	10,000	100,000,000	1,000,000	1,000,000	Orion Bắc Ninh
xẻng	xẻng	6273	331	15,000	350,000,000	5,250,000	5,250,000	Orion Bắc Ninh
Bàn chà nhám	Bàn chà nhám	6273	331	20,000	65,000,000	1,300,000	1,300,000	Orion Bắc Ninh
Bay trét	Bay trét	6273	331	18,000	75,000,000	1,350,000	1,350,000	Orion Bắc Ninh
Cây sủi	Cây sủi	6273	331	30,000	37,000,000	1,110,000	1,110,000	Orion Bắc Ninh
Số đồng = 6				103,000		12,210,000	12,210,000	

Tổng tiền hàng 12.210.000 **Tiền thuế GTGT** 1.221.000

Tiền chiết khấu 0 **Chi phí mua hàng** 0

Tổng tiền thanh toán 13.431.000 **Tổng giá trị** 12.210.000

Sơ đồ 2.16: Chứng từ chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ

- Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Chi phí sử dụng máy thi công cũng được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Đặc biệt 100% máy thi công của công ty là đi thuê

tạo được sự linh hoạt khi điều động máy thi công, đối với các công trình ở xa thì việc này giúp giảm chi phí điều động máy thi công, vì vậy công ty không phát sinh chi phí khấu hao tài sản cố định ở công trường.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty bao gồm tiền điện, tiền nước, tiền thuê bao điện thoại, tiền thuê vận chuyển đất thải, ... Tài khoản sử dụng là 6277. Khi các khoản chi phí này phát sinh, kế toán công trình tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung (phụ lục 2.16) cùng với chứng từ khác như hóa đơn, phiếu chi tiền mặt ... Cuối kỳ, chuyển toàn bộ hồ sơ này về phòng kế toán công ty để kiểm tra, hạch toán.

Ví dụ: Ngày 12/03/2023, Công ty có thuê dịch vụ vận chuyển người và nâng hạ thiết bị, giá trị dịch vụ trước Vat là 5.000.000đ, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6277: 5.000.000đ

Nợ TK 133: 500.000đ

Có TK 331: 5.500.000đ

Trong giao diện bàn làm việc trên phần mềm, chọn phân hệ mua dịch vụ, nhập các thông tin liên quan như: ngày tháng, phương thức thanh toán, thông tin bên bán, thông tin dịch vụ, tài khoản hạch toán, số tiền, **công trình phát sinh chi phí**. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện chứng từ như dưới đây:

[illegible]

Sơ đồ 2.17: Chứng từ dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền:

Chi phí khác bằng tiền (tài khoản sử dụng 6278) bao gồm: Chi phí tiếp khách, giao dịch, bảo dưỡng máy móc, in ấn tài liệu, ...được kế toán công trình tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung (phụ lục 2.16) định kỳ gửi về công ty. Căn cứ vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung cùng các chứng từ gốc có liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giấy thanh toán tam ứng, hóa đơn kế toán tiến hành hạch toán theo chứng từ vào phần mềm

Ví dụ, ngày 06/02/2023, công ty phát sinh 1 khoản chi phí photo 2.000.000đ chưa vat phục vụ cho công trình Orion Bắc Ninh, kế toán hạch toán:

No TK 6278: 2.000.000d

No TK 133: 200.000d

Có TK 1111: 2.200.000đ

Trong giao diện bàn làm việc trên phần mềm, chọn phân hệ mua dịch vụ, nhập các thông tin liên quan như: ngày tháng, phương thức thanh toán, thông tin bên bán, thông tin dịch vụ, tài khoản hạch toán, số tiền, **công trình phát sinh chi phí**. Sau đó ấn ghi, phần mềm cho ra giao diện chứng từ như dưới đây:

Chứng từ mua dịch vụ

☐ Chưa thanh toán
 ☐ Thanh toán ngay

☐ Nhận kèm hóa đơn
 ☐ Là chi phí mua hàng
 ĐĂNG NHẬP HÓA ĐƠN

Thông tin chung

Nhà cung cấp: HOÀNG CÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI HOÀNG CÔNG
 Dịch vụ: Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI HOÀNG CÔNG
 NV mua hàng:
 Tham chiếu:

Ngày hạch toán: 06/02/2023
 Ngày chứng từ: 06/02/2023
 Số chứng từ: MDV00416

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán: Thêm nhắc việc...

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí	TK công nợ	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đối tượng TH	Công trình
PHOTO	Photo, in ấn	6278	1111	HOÀNG CÔNG	CÔNG TY CỔ PHẦN Đ		1,000	2,000,000	2,000,000		Orion Bắc Ninh
							Số dòng = 1	1,000	2,000,000		

Phân bổ chiết khấu: **Tiền dịch vụ** 2,000,000 **Tiền thuế GTGT** 200,000
 Xem công nợ **Tiền chiết khấu** 0 **Tổng tiền thanh toán** 2,200,000

Ctrl+F - Tìm kiếm, F9 - Thêm nhanh, F3 - Tìm nhanh

Sơ đồ 2.18: Chứng từ chi phí khác bằng tiền

Sau khi nhập liệu phần mềm kế toán sẽ tự đưa ra số liệu vào các sổ kế toán liên quan như: Sổ chi tiết TK 627 (phụ lục số 2.17), sổ cái TK 627 (phụ lục số 2.18), sổ nhật ký chung (phụ lục số 2.20)

2.2.4. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm trong Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

❖ Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Do đặc thù của hoạt động xây lắp, cộng với công ty thường tính giá thành theo toàn bộ công trình hoặc từng hạng mục công trình riêng biệt nên toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh tính từ khi thi công cho đến thời điểm cuối mỗi

năm đều là giá trị sản phẩm dở dang. Tại công ty, mặc dù hàng tuần ban chỉ huy công trường vẫn tiến hành báo cáo tiến độ thi công các công trình, tuy nhiên công tác đánh giá sản phẩm dở dang lại được tiến hành một lần vào cuối năm. Ban chỉ huy công trường sẽ tiến hành thống kê khối lượng đã làm được, các vật tư vật liệu chưa được sử dụng hết tiến hành nhập lại kho.

Ví dụ như thời điểm tháng 12/2023 công ty có thực hiện công trình thi công xử lý vết nứt nhà Anh Thành- BT14 Pháp Vân. Các chi phí phát sinh được thể hiện ở **phụ lục 2.19**. Kế toán sẽ tiến hành in toàn bộ sổ chi tiết liên quan đến công trình để báo cáo Ban Giám đốc, đồng thời trên kết chuyển toàn bộ chi phí này sang tài khoản 154 để chuyển năm sau

Trên giao diện bàn làm việc của phần mềm, chọn phân hệ giá thành, vào mục xác định kỳ tính giá thành, sau đó ấn chọn thời gian tính giá thành, chọn công trình cần tính giá thành, nhấn cắt.

Vào mục kết chuyển chi phí, chọn kỳ tính giá thành vừa tạo ở trên, phần mềm tự cho ra giao diện kết chuyển chi phí cho công trình Anh Thành- BT14 Pháp Vân, chi phí được tập hợp từ các tài khoản 621,622,623,627 sang tài khoản 154 như màn hình dưới đây:

Mã công trình	Tên công trình	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 621 của công trình A	154	621	77.756.910.000	
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 622 của công trình A	154	622	30.950.300	
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 6237 của công trình	154	6237	15.000.000	
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 6271 của công trình	154	6271	4.715.087	
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 6277 của công trình	154	6277	4.000.000	
ANH THANH-BT14	Thi công, xử lý vết nứt nhà	Kết chuyển chi phí 6278 của công trình	154	6278	2.500.000	
					77.814.075.387	

Sơ đồ 2.19: Kết chuyển chi phí công trình dở dang

❖ **Công tác tính giá thành sản phẩm**

Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn, đó là tập hợp theo từng khoản mục chi phí của từng công trình, hạng mục công trình như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Sau khi công tác tập hợp chi phí theo từng khoản mục đã hoàn thành, căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết của các khoản mục chi phí phát sinh theo từng công trình hạng mục công trình kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ sang sổ chi tiết tài khoản 154 theo từng công trình, hạng mục công trình tương ứng phục vụ cho tính giá thành sản phẩm.

Đối với công trình Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh được thực hiện thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ và bàn giao ngay trong năm nên tất cả chi phí phát sinh trong quá trình thi công được kết chuyển thành giá thành sản phẩm. Căn cứ vào các sổ chi tiết được thể hiện ở các phụ lục (**phụ lục 2.5, phụ lục 2.10, phụ lục 2.13, phụ lục 2.17**) khi nghiệm thu, kết thúc công trình, kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Kế toán kết chuyển chi phí dở dang:

Nợ TK 154:	1.923.253.610 đ
Có TK 621:	1.140.686.194 đ
Có TK 622:	495.780.800 đ
Có TK 6232:	10.550.000 đ
Có TK 6237:	85.000.000 đ
Có TK 6271:	127.829.616 đ
Có TK 6273:	30.187.000 đ

Có TK 6277: 5.000.000 đ

Có TK 6278: 28.220.000 đ

Trên giao diện bàn làm việc của phần mềm, chọn phân hệ giá thành, vào mục xác định kỳ tính giá thành, sau đó ấn chọn thời gian tính giá thành, chọn công trình cần tính giá thành, nhấn cắt.

Vào mục kết chuyển chi phí, chọn kỳ tính giá thành vừa tạo ở trên, phần mềm tự cho ra giao diện kết chuyển chi phí cho công trình Orion Bắc Ninh, chi phí được tập hợp từ các tài khoản 621,622,623,627 sang tài khoản 154 như màn hình dưới đây:

Mã công trình	Tên công trình	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 621 của công trình O	154	621	1.140.686.194	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 622 của công trình O	154	622	495.780.800	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6232 của công trình	154	6232	10.550.000	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6237 của công trình	154	6237	85.000.000	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6271 của công trình	154	6271	127.829.616	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6273 của công trình	154	6273	30.187.000	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6277 của công trình	154	6277	5.000.000	
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào và đường	Kết chuyển chi phí 6278 của công trình	154	6278	28.220.000	
Số dòng = 8					1.923.253.610	

Sơ đồ 2.20: Chứng từ kết chuyển chi phí công trình nghiệm thu

Khi công trình nghiệm thu, kế toán hạch toán kết chuyển giá vốn như sau:

Nợ TK 632: 1.923.253.610 đ

Có TK 154: 1.923.253.610 đ

Trên giao diện bàn làm việc của phần mềm, chọn phân hệ giá thành, vào mục nghiệm thu công trình, chọn kỳ tính giá thành đã tạo, chọn công trình nghiệm thu, chọn lấy dữ liệu, nhấn đồng ý, phần mềm cho ra giao diện như dưới đây:

Nghiệm thu công trình

Thông tin chung

Kỳ tính giá thành: Kỳ tính giá thành từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/03/2023 Chọn công trình...

Diễn giải: Nghiệm thu giá vốn công trình kỳ tính giá thành từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/03/2023.

Tham chiếu: 🔍

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/03/2023

Ngày chứng từ: 31/03/2023

Số chứng từ: NT00036

Lấy lại dữ liệu

1. Hạch toán

Mã công trình	Tên công trình	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số chưa nghiệm thu	% nghiệm thu	Giá trị nghiệm thu
Orion Bắc Ninh	Thi công hàng rào v	Nghiệm thu công trình Thi	632	154	1.923.253.610	100,00	1.923.253.610
Số dòng = 1					1.923.253.610		1.923.253.610

Sơ đồ 2.21: Chứng từ nghiệm thu công trình

CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CONFITECH XUÂN PHƯƠNG

3.1. Đánh giá ưu nhược điểm tồn tại và nguyên nhân

3.1.1. Ưu điểm

Kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của công ty đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý chi phí và tính giá thành trong nền kinh tế thị trường. Công ty đã áp dụng kế toán trên phần mềm nên việc tính toán, quản lý NVL, nhân công ..., khối lượng công việc cho kế toán giảm nhiều, đáp ứng đầy đủ các thông tin đối với yêu cầu quản lý của đơn vị và các đối tượng liên quan khác. Qua quá trình tìm hiểu về công ty, tôi thấy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty có những ưu điểm sau:

- Công ty tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí kết hợp với theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm là phù hợp với đặc điểm của ngành nghề xây lắp, giúp cho việc quản lý chi phí theo định mức, theo dự toán chi phí được thuận lợi, hợp lý, tăng cường công tác kiểm tra và tiết kiệm chi phí.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng giá thành công trình, nhận thức được điều đó nên Công ty luôn đưa ra các chính sách, quy định nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm NVL. Do các công trình nằm rải rác và thường cách xa Công ty nên để bảo quản tốt NVL, Công ty thường bố trí các kho lưu động ngay tại chân công trình để chứa NVL.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Công ty đã và đang áp dụng các chính sách sử dụng lao động và chế độ lương thưởng rất linh hoạt, vừa giúp doanh nghiệp quản lý tốt chi phí về nhân công vừa tạo động lực làm việc cho người lao động. Do cơ cấu lao động trực tiếp của Công ty được chia là hai loại: Lao

động thuộc hợp đồng dài hạn và lao động thuê khoán nên Công ty cũng áp dụng hai hình thức trả lương khác nhau phù hợp với từng loại hình. Với lao động thuê khoán, Công ty trả lương theo hình thức khoán sản phẩm, như vậy sẽ giúp cho doanh nghiệp vừa đảm bảo được chất lượng công trình mà không xảy ra tình trạng kéo dài thời gian thi công. Với lao động thuộc hợp đồng dài hạn thì Công ty áp dụng hình thức trả lương theo cấp bậc và thời gian thực tế làm việc trong tháng, điều này sẽ đảm bảo công bằng và khuyến khích cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm với công việc. Các sổ chi tiết TK 622 được mở riêng cho từng công trình, hạng mục công trình giúp tập hợp chi phí dễ dàng và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Tuy khoản mục chi phí sử dụng máy thi công chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng giá thành các công trình nhưng Công ty vẫn luôn có những chính sách quản lý tốt khoản mục chi phí này. Đa phần các máy thi công sử dụng trong thi công đều được Công ty thuê ngoài do địa điểm thi công thường cách xa Công ty nên việc vận chuyển máy móc tới công trình rất phức tạp và dễ gây hư hỏng. Từ thực tế đó, để tiết kiệm chi phí, Công ty luôn giám sát chặt chẽ nhu cầu sử dụng máy thi công đối với từng công trình, trong quá trình sử dụng máy luôn chịu sự quản lý và theo dõi của Ban quản lý công trình để đảm bảo máy được vận hành tối đa công suất mang lại hiệu quả cao nhất.

- Chi phí sản xuất chung: chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí còn lại, không trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Tuy nhiên để xác định được chính xác tổng chi phí sản xuất cũng như góp phần hạ giá thành sản phẩm thì khoản mục chi phí này cũng luôn được Công ty quan tâm tới. Các khoản chi phí phát sinh trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình nào sẽ được tập hợp vào công trình, hạng mục công trình đó

Với cách tập hợp chi phí như vậy giúp cho nhà quản lý hiểu rõ các nguồn hình thành chi phí sản xuất chung để có những điều chỉnh thích hợp nhằm tiết kiệm chi phí.

3.1.2. Nhược điểm

*** Về công tác luân chuyển chứng từ**

Do hoạt động xây dựng nhiều công trình ở xa trụ sở công ty nên việc chuyển chứng từ chi phí từ đội công trình về văn phòng công ty để kiểm tra, hạch toán gặp một số vướng mắc như: Chứng từ luân chuyển chậm dẫn đến sót khi tập hợp chi phí tính giá thành, làm sai lệch thông tin kế toán ở từng thời điểm nhất định; chuyển bảng chấm công, chứng từ lương chậm dẫn đến chậm thanh toán tiền lương cho người lao động. Theo quy định của Công ty chậm nhất là ngày mùng 10 tháng sau các bộ phận phải thanh toán hết chi phí của tháng trước nên chứng từ thường tập trung về Công ty nhiều vào cuối tháng, cuối quý dẫn đến tăng khối lượng công việc của Phòng Tài chính Kế toán vào thời điểm này.

*** Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu trực tiếp phụ thuộc mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu hợp lý và ý thức của người lao động trực tiếp. Theo khảo sát thực tế tại công ty, việc kiểm kê vật tư thừa tại chân công trình chưa được ban quản lý tiến hành thường xuyên liên tục mà thường chỉ tiến hành kiểm kê vào cuối quý, cuối năm và đột xuất theo ý kiến của lãnh đạo nếu có hoặc khi kết thúc, nghiệm thu công trình. Ban quản lý công trình chỉ kiểm tra, đối chiếu vật tư nhập - xuất vào công trình khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của công trình nếu chưa vượt kế hoạch thì số liệu vật tư thừa nhập lại kho Công ty và phế liệu, sắt thép vụn nhập kho hoàn toàn phụ thuộc vào đội thi công. Do vậy không tránh khỏi tình trạng nhầm lẫn, thất thoát trong quản lý vật tư, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ không phản ánh chính xác được giá trị nguyên vật liệu

trực tiếp phát sinh trong kỳ dẫn tới giá thành của công trình không chính xác. Đối với lượng nguyên vật liệu xuất dùng phục vụ thi công là thép biện pháp thi công : khi xuất sử dụng, công ty đã ghi nhận hết vào chi phí nguyên vật liệu trong kỳ, khi thu hồi sau khi hoàn thành công tác thi công, vật tư lẻ thu hồi được bán thanh lý, với vật tư còn tiếp tục được tái sử dụng sẽ được chuyển sang phục vụ cho công trình khác. Đối với vật tư phải theo dõi riêng và kế toán thực hiện phân bổ dần phù hợp với thực tế sử dụng. Việc hạch toán như trên dẫn tới chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không phản ánh đúng giá trị vật tư cấu thành sản phẩm và làm sai lệch giá thành công trình. Có thể xuất hiện tình trạng tổ, đội thi công báo sai giá trị hiện tại của vật tư còn lại cuối kỳ gây ra tình trạng thất thoát, lãng phí.

**** Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp:***

Chi phí nhân công trực tiếp là một bộ phận cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó việc tính toán, hạch toán đầy đủ, chính xác và hợp lý khoản mục chi phí này có ý nghĩa lớn đối với giá thành sản phẩm. Đặc thù của công ty là có nhiều công trình thi công ở xa, chúng từ lương chuyển về trụ sở công ty thường bị chậm

Công ty cũng chưa khai thác được triệt để các chức năng của phân hệ tiền lương trên phần mềm nên việc tính công, tính lương vẫn đang còn thủ công, dễ dẫn tới việc trậm trễ, sai sót.

**** Về chi phí máy thi công:*** Hiện nay toàn bộ máy thi công đều được thi thuê ngoài, tuy rất tiện lợi, đảm bảo được tiến độ cũng như giảm thiểu chi phí quản lý cho máy. Tuy nhiên việc này cũng có mặt trái của nó, chi phí thuê máy sẽ rất tốn kém, ảnh hưởng đến tổng chi phí của toàn bộ công trình.

**** Về kế toán chi phí sản xuất chung:***

Một số công cụ dụng cụ như ván khuôn, xe cút kít,... được sử dụng qua nhiều kỳ kế toán khác nhau nhưng kế toán không hạch toán vào chi phí trả trước rồi phân bổ dần mà tập hợp trực tiếp vào chi phí sản xuất chung trong kỳ làm tăng giá thành sản xuất trong kỳ, phản ánh không đúng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

**** Về kế toán chi phí bảo hành công trình***

Công ty không tiến hành trích trước chi phí bảo hành công trình. Khi phát sinh chi phí bảo hành, nếu công trình vẫn còn doanh thu cho các hạng mục khác, chi phí bảo hành được hạch toán chi tiết theo công trình; nếu công trình hết doanh thu, chi phí bảo hành được phân bổ cho các công trình khác trong kỳ kế toán. Như vậy chi phí, giá thành của các công trình chưa được phản ánh chính xác.

**** Về phần hạch toán phần mềm***

Công ty đã áp dụng việc sử dụng phần mềm vào trong hạch toán kế toán. Tuy nhiên, còn nhiều phân hệ chưa được kế toán khai thác mà vẫn áp dụng kết hợp với việc sử dụng excel như phân hệ tiền lương. Hiện nay trên phần mềm đã có các tính năng khác phục vụ cho việc thanh toán lương như chấm công, tổng hợp chấm công, tính lương nhưng chưa được kế toán áp dụng.

Hiện nay, các tài khoản chi phí của các công trình chưa được mở chi tiết để dễ dàng theo dõi, quản lý. Ví dụ như đối với tài khoản 6271 đang được phản ánh gộp bao gồm tiền lương của Ban quản lý và chi phí đóng BHXH mà công ty phải trả

Hiện tại trên phần mềm chưa có tính năng định kỳ hàng tháng, công ty đối chiếu giữa sổ chi tiết các tài khoản chi phí công trình với sổ Cái tài khoản chi phí đó

3.1.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Do đặc thù của ngành xây dựng là có các công trình ở xa, thời gian thực hiện công trình kéo dài nên việc quản lý, rà soát các chi phí gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan: Do tổ chức bộ máy hoạt động, đặc điểm quản lý của công ty vẫn đang tồn tại những đặc điểm sau:

+ Công ty chưa áp dụng hệ thống công nghệ thông tin vào việc quản lý các văn bản hành chính, giấy tờ, ký phát điện tử. Do vậy, hệ thống chứng từ và việc luân chuyển chứng đang còn cồng kềnh, và có thể xảy ra tình trạng chậm trễ ghi nhận chi phí của công trình, ảnh hưởng tới việc ra quyết định của

nhà lãnh đạo hoặc mất mát, nhàu nát ảnh hưởng tới việc lưu trữ, bảo quản lâu dài sau này.

+ Công ty chưa xây dựng được bộ máy chuyên biệt về thẩm định, giám sát đối với các loại chi phí của công ty để tránh tình trạng thất thoát, lãng phí

+ Công ty đang còn muốn đơn giản hóa công việc, giảm tải khối lượng cho nhân viên quản lý nên việc sử dụng nguồn lực của công ty còn có những điểm đang bị quản lý lỏng lẻo

+ Do bộ máy nhân viên vẫn đang còn quen với phong cách làm việc theo hướng truyền thống, chưa chủ động với việc tiếp cận những công nghệ mới nên việc ghi nhận và quản lý chi phí vẫn chưa có gì cải thiện về mặt chính xác và nhanh chóng một cách hiệu quả.

3.2. Định hướng ứng dụng

3.2.1. Định hướng phát triển của đơn vị

❖ Chiến lược phát triển ngành xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Với quan điểm Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm phát triển, chủ trương, đường lối, chính sách liên quan đến nhiệm vụ của ngành Xây dựng trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết chuyên đề của Trung ương và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 tại Quyết định số 179/QĐ-TTg ngày 16/02/2024.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để phát triển ngành xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 như sau:

▪ Đến năm 2030:

Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống thể chế, công cụ quản lý, đảm bảo tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiện đại, hội nhập, tạo môi trường thuận

lợi, bình đẳng, minh bạch cho các chủ thể tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng; thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả trong các lĩnh vực của ngành Xây dựng.

- Nâng cao năng lực ngành Xây dựng để đảm nhận được toàn bộ các khâu quản lý, thiết kế, mua sắm, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp, quy mô lớn và từng bước cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên khoáng sản, thân thiện với môi trường, có hàm lượng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu trong nước, tăng cường xuất khẩu vật liệu xây dựng cao cấp, phát triển các vật liệu xây dựng mới. Ứng dụng công nghệ trong quản lý đầu tư xây dựng, thiết kế, thi công, quản lý chất lượng công trình.

- Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hoà, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát triển mạnh các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn. Cơ bản hoàn thành hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, công cụ quản lý; xây dựng mô hình chính quyền đô thị gắn với quản trị đô thị hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh; từng bước nâng cao chất lượng phát triển đô thị cả về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng; xây dựng nền kiến trúc hiện đại, bền vững, giàu bản sắc, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển văn hóa. Phát triển đô thị có tầm nhìn dài hạn; hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng đô thị thông minh trong khu vực và thế giới; xây dựng các đô thị carbon thấp giảm phát thải khí nhà kính, đô thị theo hướng đô thị xanh, có bản sắc, có tính tiên phong và dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển.

▪ Định hướng đến năm 2045:

Ngành Xây dựng bảo đảm đủ sức thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài. Phát triển ngành vật liệu xây dựng đạt trình độ là ngành công nghiệp hiện đại. Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và châu Á. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu và tốc độ phát triển đô thị. Phát triển nhà ở đáp ứng đủ theo nhu cầu về xây mới và cải tạo nhà ở của người dân; thị trường bất động sản phát triển bền vững, lành mạnh, minh bạch.

❖ ***Định hướng phát triển của Công ty***

Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển theo hình thức đa sở hữu về nguồn vốn, bộ máy tổ chức không ngừng được củng cố và phát triển, linh hoạt trong quan hệ ngoại giao, luôn định hướng phát triển theo xu hướng liên kết lại tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

* Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm và triển khai các dự án đầu tư để phát huy hiệu quả đồng vốn, tạo tiền đề cho Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục củng cố công tác tài chính, tăng cường công tác hoàn tạm ứng, thu hồi công nợ, đảm bảo tài chính của Công ty luôn lành mạnh và chủ động đáp ứng được với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Là địa chỉ tin cậy của các Chủ đầu tư, khách hàng

* Các chỉ tiêu dự kiến đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm khoảng 8 - 10%.

- Tổng giá trị doanh thu đạt : 15 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách đạt khoảng: 150 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 750 triệu đồng.

* Dự kiến cơ cấu ngành nghề sản xuất kinh doanh đến 2030

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng: 45% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

- Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp chiếm khoảng: 35% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

- Giá trị kinh doanh nhà ở đô thị, Khu công nghiệp và bất động sản: 15% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh

- Giá trị kinh doanh khác: chiếm khoảng: 5% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở định hướng và mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh đến 2030 cùng với các yếu tố thuận lợi và những khó khăn thách thức, Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương sẽ phát huy cao độ kết quả đã đạt được trong những năm qua, khắc phục những yếu kém để dần ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng của Công ty phù hợp với định hướng phát triển và xu hướng phát triển chung của đất nước.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

❖ *Yêu cầu hoàn thiện*

Việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương phải đạt những yêu cầu sau:

Một là: Phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, khách quan, kịp thời. Thông tin là do kế toán cung cấp thường được dùng để làm cơ sở cho việc ra quyết định quan trọng của lãnh đạo công ty, đặc biệt là các thông

tin về chi phí xây dựng và giá thành xây dựng, nó chi phối hầu hết quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải đảm bảo cung cấp thông tin một cách đầy đủ, trung thực, khách quan, kịp thời.

Hai là: Phải đảm bảo quản lý dễ dàng, hiệu quả. Kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của Công ty. Thông tin do kế toán cung cấp thường có độ chính xác cao và có thể sử dụng cho nhiều đối tượng khác nhau với nhiều mục đích khác nhau. Vì vậy, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng phải được xây dựng đảm bảo dễ làm, dễ hiểu và có thể cung cấp thông tin một cách thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Ba là: Phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và có khả năng thực hiện tiết kiệm và hiệu quả là một trong những nguyên tắc quan trọng để quản lý kinh tế. Khi vận dụng nguyên tắc này phải cân nhắc giữa chi phí bỏ ra và kết quả thu được đảm bảo chi phí bỏ ra luôn nhỏ hơn kết quả mà Công ty thu được. Vì vậy khi hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ngoài việc đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả nêu trên còn phải đảm bảo có khả năng thực hiện được trong thực tế công tác kế toán của công ty.

❖ *Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty*

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí theo hợp đồng xây dựng tại Công ty cần dựa vào các nguyên tắc sau:

Một là: Phải phù hợp với chế độ quy định hiện hành. Khi hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí theo hợp đồng xây dựng cần thực hiện theo các chính sách, chế độ kế toán sau:

- Luật Kế toán;
- Các chuẩn mực Kế toán;

- Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính;

Hai là: Phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất của ngành xây dựng, đặc điểm tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý riêng của ngành cũng như quy mô và địa bàn hoạt động của Công ty.

Xây dựng là ngành sản xuất có rất nhiều đặc thù riêng biệt so với các ngành khác. Sản phẩm của Công ty thường có giá trị lớn, thời gian thi công dài, không giống nhau về kết cấu, nơi sản xuất và nơi tiêu thụ trên cùng một địa bàn,... nên ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức quản lý và sản xuất của Công ty. Những đặc điểm riêng này cũng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác kế toán doanh thu, chi phí theo hợp đồng xây dựng và cũng ảnh hưởng lớn mang tính chất quyết định khi hoàn thiện công tác kế toán này trong Công ty.

Ba là: Phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán, trang thiết bị khoa học kỹ thuật của Công ty, từ đó có thể đề xuất biện pháp tối ưu và hữu hiệu nhất cho Công ty. Trong điều kiện hội nhập như hiện nay, khi hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cần cân nhắc đảm bảo phù hợp các quy định của thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế đảm bảo phù hợp với hướng đi chung của thế giới

❖ *Giải pháp và khuyến nghị hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương*

*** Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ kế toán**

Việc luân chuyển chứng từ kế toán từ các đội thi công công trình về phòng kế toán thường chậm dần vào cuối tháng, cuối quý dẫn đến nhầm lẫn, sai sót trong hạch toán. Thông tin kế toán về chi phí công trình không được cung cấp kịp thời. Vì vậy công ty phải yêu cầu các đội thi công công trình thường xuyên gửi chứng từ về phòng kế toán (hoặc định kỳ 5 – 10 ngày) gửi

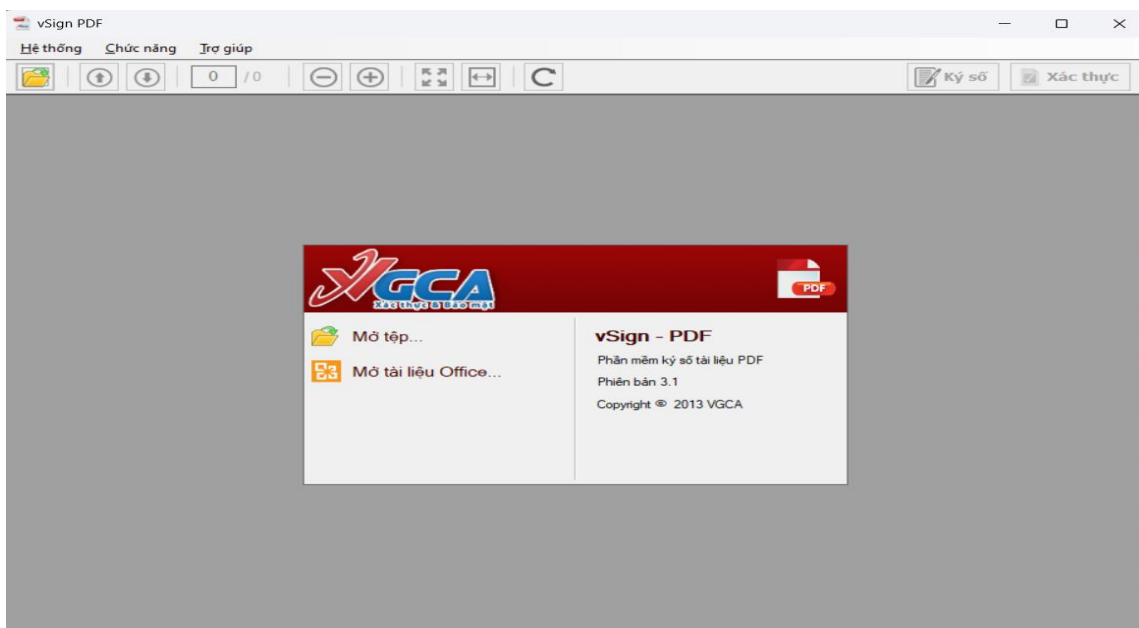
về phòng kế toán công ty. Định kỳ một tháng hai lần sẽ phải tập hợp chứng từ phát sinh của đội mình gửi lên phòng kế toán công ty.

Mặt khác, đối với các nhà cung cấp công ty cần có các quy định cụ thể về việc cung cấp chứng từ kế toán kịp thời, coi đó là một trong các điều khoản quy định trong hợp đồng kinh tế ký kết.

Công ty cũng có thể xem xét thêm việc áp dụng ký điện tử trên các giấy tờ thông qua chữ ký số là một hình thức đang dần phổ biến hiện nay qua các phần mềm hỗ trợ như: NEAC Signer hoặc vSignPdf



Giao diện phần mềm ký số tài liệu NEAC Signer



Giao diện phần mềm ký số tài liệu vSignPdf

*** Hoàn thiện kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Đối với vật tư mua về đều đưa thẳng tới công trình và sử dụng ngay cho thi công sẽ khó kiểm soát. Vì vậy, khi giao vật tư cho công trình phải có biên bản giao hàng có xác nhận của bên giao và ban quản lý thi công. Đồng thời, phải có đại diện của ban quản lý xác nhận chất lượng vật tư. Công ty có thể yêu cầu bên cung ứng vật tư sử dụng biên bản giao nhận vật tư theo mẫu sau:

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ						
Ngày ... tháng ... năm...						
Thành phần giao nhận:						
Ông (bà):						
Chức vụ:Đại diện bên cung ứng.						
Địa chỉ:						
Mã số thuế:						
Ông (bà) :						
Chức vụ:						
Đại diện bên nhận						
Địa chỉ:						
Tiến hành giao nhận vật tư như sau:						
STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Đại diện bên cung ứng			Đại diện bên cung ứng			

Cuối mỗi giai đoạn thi công, công ty nên tận dụng những phế liệu thu hồi để tiết kiệm chi phí thi công. Đối với vật tư thừa tại chân công trình, thực tế hiện nay cho thấy công tác kiểm soát chi phí nguyên vật liệu còn nhiều tồn tại, đây là một khoản mục khó quản lý, khó kiểm soát khi khối lượng vật tư thi công là rất lớn, thời gian thi công kéo dài. Để phản ánh và cung cấp thông tin về khoản mục này trung thực, hợp lý hơn đòi hỏi công ty cần giao nhiệm vụ cụ thể cho nhân viên, thủ kho kết hợp với ban quản lý, tổ thi công kiểm kê thường xuyên. Cuối mỗi giai đoạn thi công, sau khi tập hợp được các báo cáo, chứng từ, kế toán xác định:

- Các chi phí của hợp đồng không thể thu hồi (ví dụ: Không đủ tính thực thi về mặt pháp lý như có sự nghi ngờ về hiệu lực của nó, hoặc hợp đồng mà

khách hàng không thể thực thi nghĩa vụ của mình...) phải được ghi nhận ngay là chi phí trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

- Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng có thể được giảm nếu có các khoản thu khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa và thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng xây dựng:

+ Nhập kho nguyên liệu, vật liệu thừa khi kết thúc hợp đồng xây dựng, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu (theo giá xuất sử dụng)

Có TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

+ Phế liệu thu hồi nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (theo giá có thể thu hồi)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

+ Trường hợp vật liệu thừa và phế liệu thu hồi không qua nhập kho mà bán ngay, kế toán phản ánh các khoản thu bán vật liệu thừa và phế liệu, ghi giảm chi phí:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

*** Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Bộ phận kế toán cần khai thác sâu hơn trong việc sử dụng phần mềm để theo dõi và tính lương cho người lao động để nâng cao tính chính xác, giảm khối lượng công việc cho phòng kế toán, nên hạn chế việc sử dụng excel.

Nên áp dụng việc ký số điện tử trên các giấy tờ bao gồm các chứng từ tiền lương để rút ngắn thời gian luân chuyển, đảm bảo được việc hạch toán, phản ánh chi phí đúng thời gian quy định

*** Chi phí máy thi công:**

Để giảm bớt chi phí máy thi công, công ty nên có những biện pháp nâng cao năng suất sử dụng máy, giảm chi phí vận chuyển máy bằng cách cùng tiến hành thuê cho những công trình gần nhau. Công ty cần có mẫu biểu theo dõi tình hình hoạt động của máy thi công thuê ngoài, tránh tình trạng sử dụng vượt quá công suất gây cháy, hỏng dẫn đến phải bồi thường thiệt hại.

Hiện nay công ty không có một máy thi công nào mà tất cả đều là máy thuê, việc này gây tốn kém, ảnh hưởng tới tổng chi phí toàn bộ công trình. Do vậy, để tiết kiệm chi phí sử dụng máy, công ty nên tiến hành mua, lắp đặt một số máy thi công thường xuyên sử dụng, đồng thời tiến hành tuyển thêm nhân công trực tiếp điều khiển các loại máy đó, việc giảm chi phí được bao nhiêu sẽ có tác dụng bấy nhiêu. Đây là vấn đề thiết thực của toàn công ty

*** Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất chung**

Đối với một số công cụ dụng cụ có trị giá thực tế nhập kho dưới 30 triệu nhưng giá trị sử dụng liên quan đến nhiều kỳ kế toán phải được phân bổ dần vào chi phí sản xuất chung, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khi nhập mua CCDC, kế toán ghi

Nợ TK 1531, 133: trị giá thực tế nhập kho

Nợ TK 133: thuế VAT

Có TK 111, 141, 331

Khi xuất dùng, CCDC dùng cho nhiều kỳ kế toán, kế toán ghi

Nợ TK 242: trị giá thực tế CCDC

Có TK 1531

Hàng tháng, căn cứ vào thời gian xác định sử dụng của CCDC ban đầu, kế toán lập bảng phân bổ CCDC chia đều cho các kỳ và hạch toán vào chi phí sản xuất chung, kế toán ghi

Nợ TK chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá trị một lần phân bổ

Có TK 242: giá trị một lần phân bổ

*** Hoàn thiện kế toán chi phí bảo hành công trình**

Thực tế tại Công ty không tiến hành trích trước khoản chi phí bảo hành công trình. Khi phát sinh khối lượng công việc cần bảo hành trong thời gian bảo hành; nếu công trình còn khối lượng dở dang thì kế toán hạch toán vào các tài khoản chi phí sản xuất , TK chi phí sản xuất- chi tiết từng công trình; nếu như công trình đã hết doanh thu thì chi phí bảo hành công trình đó lại phân bổ cho các công trình khác.

Như vậy, việc không trích trước chi phí bảo hành công trình sẽ dẫn đến tăng chi phí đột biến, không nằm trong dự tính, Công ty không có kế hoạch thanh toán cho khoản chi phí bảo hành phát sinh, gây khó khăn về mặt tài chính và thông tin kế toán phản ánh chi phí , giá thành công trình không chính xác. Công ty nên lập dự phòng bảo hành công trình, lập ngay trong kỳ kế toán diễn ra quá trình nghiệm thu, bàn giao công trình đó. Số tiền lập dự phòng không quá 5% giá trị khối lượng nghiệm thu.

- Khi xác định số dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình, kế toán ghi:

Nợ TK chi phí sản xuất chung: chi tiết từng công trình

Có TK 3522: dự phòng bảo hành công trình

- Khi phát sinh thực tế chi phí sửa chữa và bảo hành công trình:

+ Trường hợp DN tự thực hiện bảo hành kế toán ghi

Nợ TK chi phí

Nợ TK 133 (Nếu có)

Có TK 111,112, 152, 153, 214, 331...

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động sửa chữa bảo hành công trình để tổng hợp chi phí tính giá thành, kế toán ghi:

Nợ TK 154

Có TK chi phí

Khi sửa chữa, bảo hành công trình hoàn thành, bàn giao cho chủ đầu tư, kế toán ghi:

Nợ TK 3522

Nợ TK 632 (nếu số trích lập dự phòng thiếu so với chi phí thực tế)

Có TK 154

+ Trường hợp DN thuê ngoài thực hiện việc bảo hành, kế toán ghi:

Nợ TK 3522

Nợ TK 632 (nếu số trích lập dự phòng thiếu so với chi phí thực tế)

Có TK 331

- Khi hết thời hạn bảo hành công trình theo điều khoản hợp đồng, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số trích lập dự phòng lớn hơn chi phí thực tế bảo hành phát sinh thì số chênh lệch phải hoàn nhập, kế toán ghi:

Nợ TK 3522

Có TK 711

*** Hoàn thiện việc sử dụng phần mềm**

Công ty nên tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về việc sử dụng phần mềm, thường xuyên cập nhật các phiên bản mới nhất

Rà soát lại công tác quản lý của công ty để tìm hiểu nhu cầu quản lý chi tiết đối với các loại chi phí, từ đó công ty nên mở thêm các tài khoản chi tiết phù hợp với nhu cầu quản lý của mình.

Đối với các chức năng mà phần mềm chưa được triển khai như việc đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản, công ty nên định kỳ tháng tháng tiến hành rà soát, đối chiếu xác nhận đã trùng khớp hay chưa.

3.2.3. Điều kiện thực hiện

❖ Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng

- Bộ Tài chính với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống kế toán áp dụng cho doanh nghiệp, các quy định

pháp luật liên quan đến kế toán nói chung và tổ chức kế toán hợp đồng xây dựng trong doanh nghiệp nói riêng.

- Bộ Xây dựng với tư cách là cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động xây dựng cần tiếp tục hoàn thiện các quy định liên quan đến các hợp đồng xây dựng, hoàn thiện các định mức và đơn giá trong xây dựng, cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể vận dụng một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

- Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu phải tăng cường việc giảng dạy bồi dưỡng kiến thức về sự cần thiết và hiệu quả của công việc tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và doanh thu hợp đồng xây dựng trong doanh nghiệp. Nghiên cứu và phát hành nhiều tài liệu, sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí và giá thành hợp đồng xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp có thể tiếp cận dễ dàng hơn với các kiến thức mới và hiệu quả.

❖ Về phía công ty

- Công ty phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng cũng như hiệu quả của việc, thực hiện tốt công tác kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, phải xác định đây là mục tiêu cần thiết của quá trình quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tự đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết cho đội ngũ cán bộ quản lý những kiến thức về kinh tế thị trường, các văn bản pháp quy về quản lý nói chung và về kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng.

- Xác định mục tiêu và xây dựng định mức chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm phù hợp với đặc thù của đơn vị mình. Tổ chức sắp xếp, điều chỉnh và thiết kế hệ thống kiểm soát chi phí sản xuất một cách phù hợp và hiệu quả.

- Tạo điều kiện về trang thiết bị, các điều kiện vật chất khác để giúp kế toán nâng cao khả năng thu nhận, xử lý kiểm soát và cung cấp thông tin.

3.3. Giá trị đóng góp của đề án.

3.3.1. Về mặt lý luận

- Đề án đã nêu lên được: Khái niệm, bản chất của kế toán tài chính, các nhân tố ảnh hưởng, nội dung của kế toán tài chính

-Đề tài hệ thống hóa và phân tích nhằm sáng tỏ những vấn đề lý luận về kế toán CPSX và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

3.3.2. Về mặt thực tiễn

- Dựa trên những kết quả nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương. Từ đó, tác giả đã đưa ra các đánh giá khách quan về những tồn tại và những thành tựu đã đạt được trong công tác kế toán CPSX và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

- Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán CPSX và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện từ phía Nhà nước cũng như bản thân doanh nghiệp để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện.

KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một vấn đề phức tạp nhưng nó lại rất cần thiết đối với tất cả các doanh nghiệp vì nó góp phần vào sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất cao của doanh nghiệp đồng thời có sự hướng dẫn của Nhà nước. Điều kiện quan trọng nhất để thực hiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là phải xuất phát từ nhu cầu thông tin của các nhà quản lý khi thực hiện việc quản lý doanh nghiệp mình. Để góp phần vào việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương, đề án đã đề cập đến những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương. Đối chiếu với mục đích nghiên cứu đề án đã đạt được các kết quả sau:

- Luận văn đã hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, làm sáng tỏ bản chất, nội dung, phương pháp của kế toán chi phí sản xuất và giá thành trong doanh nghiệp.

- Luận văn đã phản ánh thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương, nhận xét những mặt đạt được và những điểm hạn chế cần khắc phục trong công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương nói riêng.

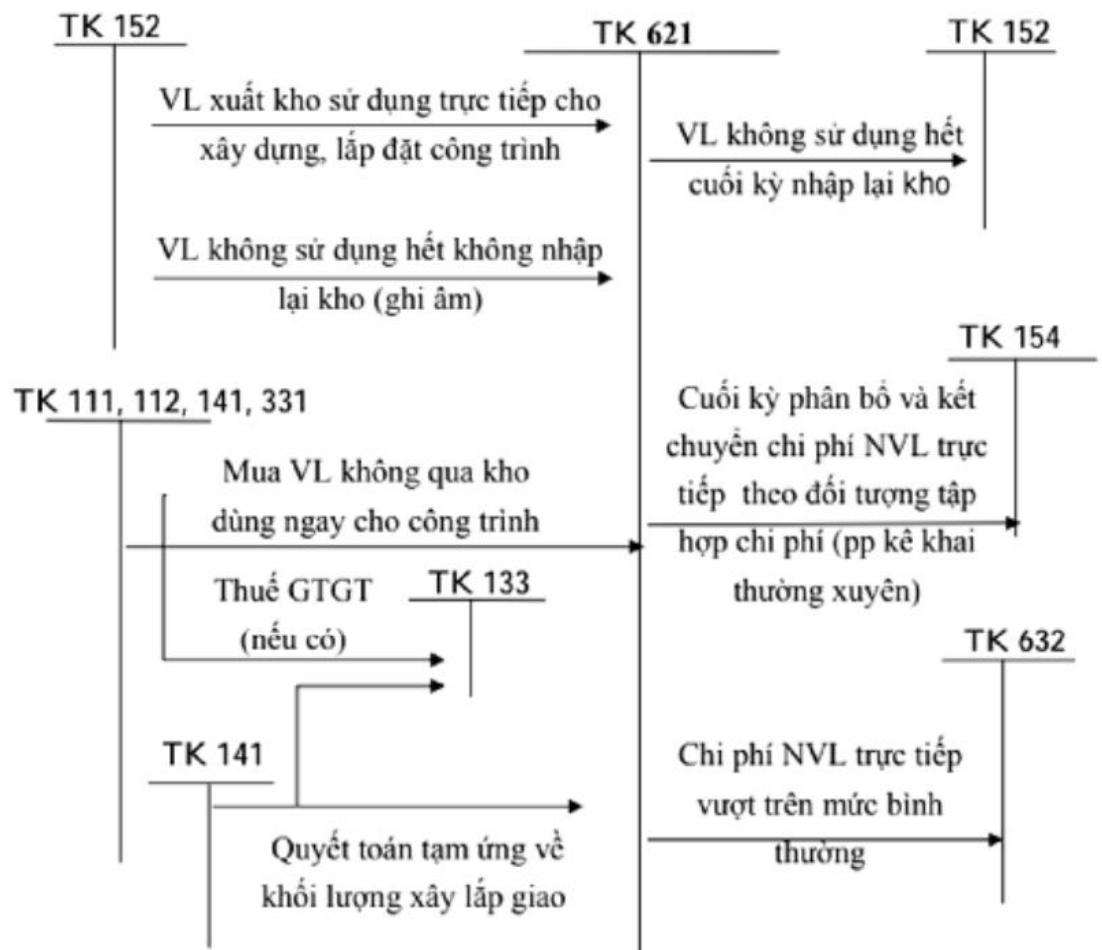
- Trên cơ sở thực trạng của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương, đề án khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty, từ đó đưa ra các nguyên tắc, nội dung hoàn thiện và các giải pháp thực hiện tại Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương.

Về cơ bản, luận văn đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của mục tiêu đặt ra, những đề xuất trong đề án được rút ra từ thực tế, nhưng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế quốc dân nói chung và của ngành xây lắp nói riêng thì chắc chắn còn nhiều vấn đề mới phát sinh cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Vấn đề chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong kế toán là một vấn đề mới mẻ và khá phức tạp ở nước ta, vì thế trong quá trình nghiên cứu tôi gặp không ít khó khăn về cả lý luận và thực tiễn nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp, chỉ dẫn của các quý thầy cô và bạn bè để đề án ngày càng hoàn thiện hơn.

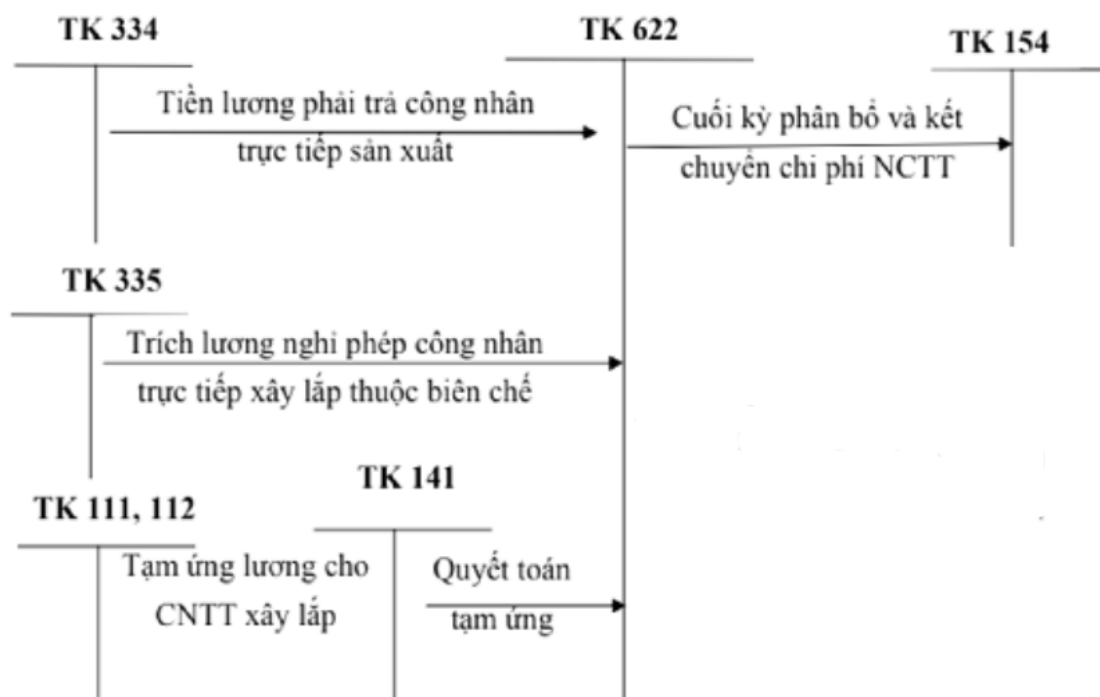
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
2. Bộ Tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp, Quyển 1, Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Tài Chính, Hà Nội
3. Bộ Tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp, Quyển 2, Báo cáo Tài chính Doanh nghiệp độc lập, báo cáo Tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ sách kế toán, ví dụ thực hành, NXB Tài Chính, Hà Nội.
4. Chính phủ (2015), Nghị định số 37/2015/NĐ - CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Hà Nội.
5. Chính phủ (2015), Nghị định số 46/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Hà Nội.
6. Nhà xuất bản tài chính (2022), Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp xây lắp và chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư.
7. Nhà xuất bản tài chính (2023), Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: lý thuyết và thực hành
8. Nhà xuất bản kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2022), Kế toán nâng cao.
9. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân (2013), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp.

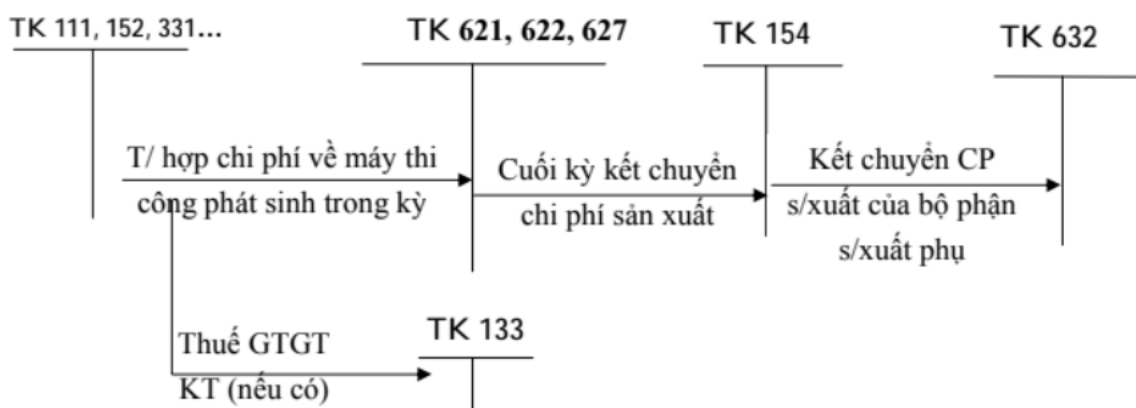
- **PHỤ LỤC CHƯƠNG I:**
- **Phụ lục 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



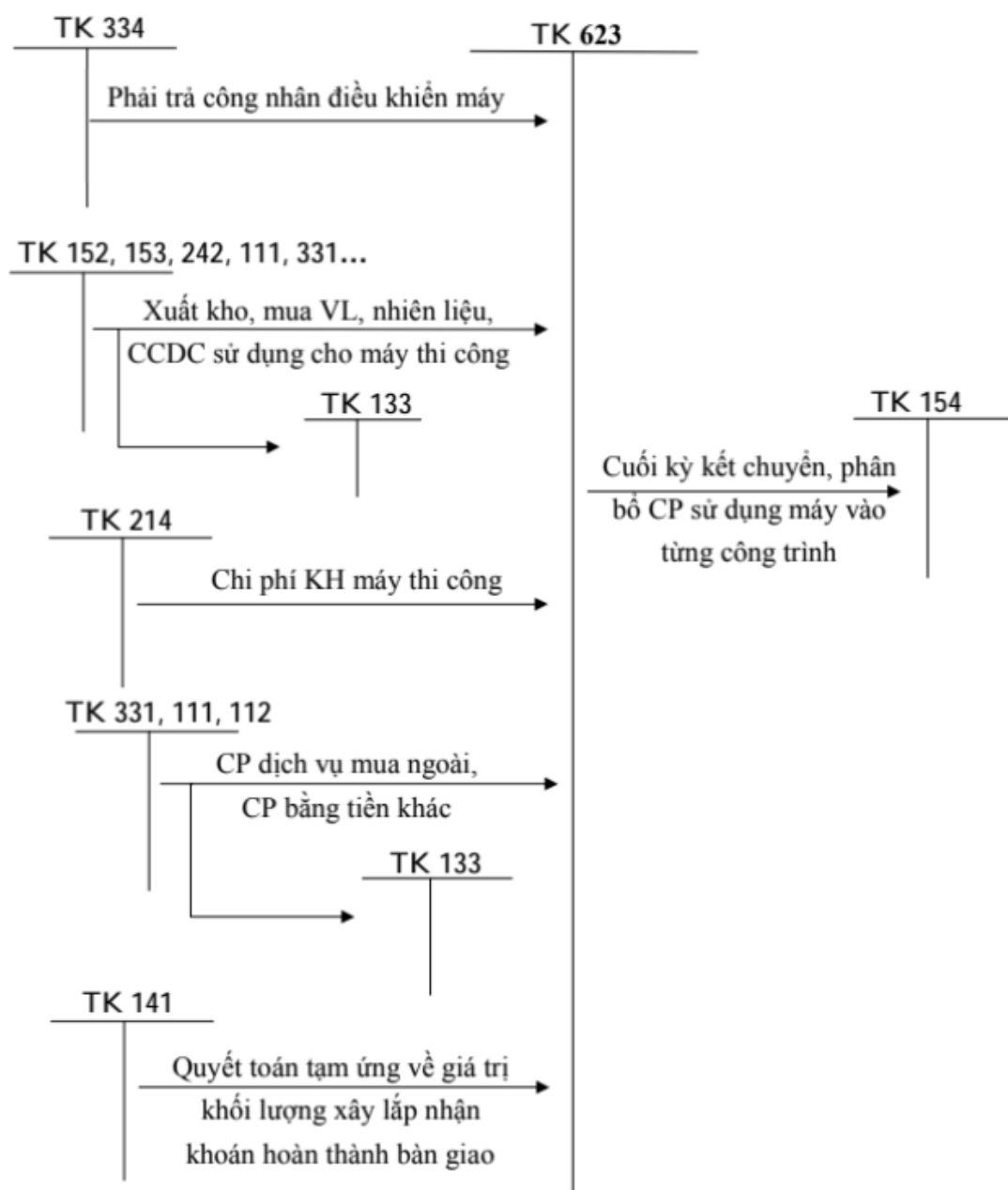
- **Phụ lục 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



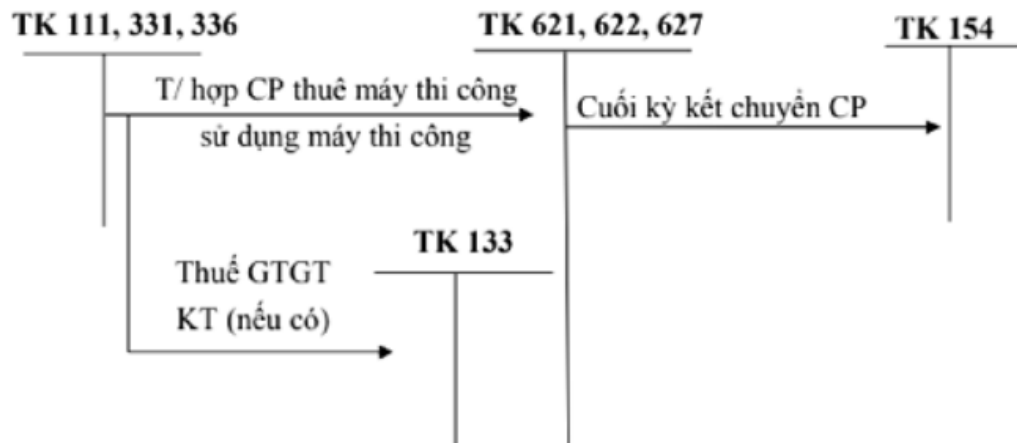
- **Phụ lục 1.3: Kế toán chi phí máy thi công (Trường hợp đội máy thi công có tổ chức kế toán riêng)**



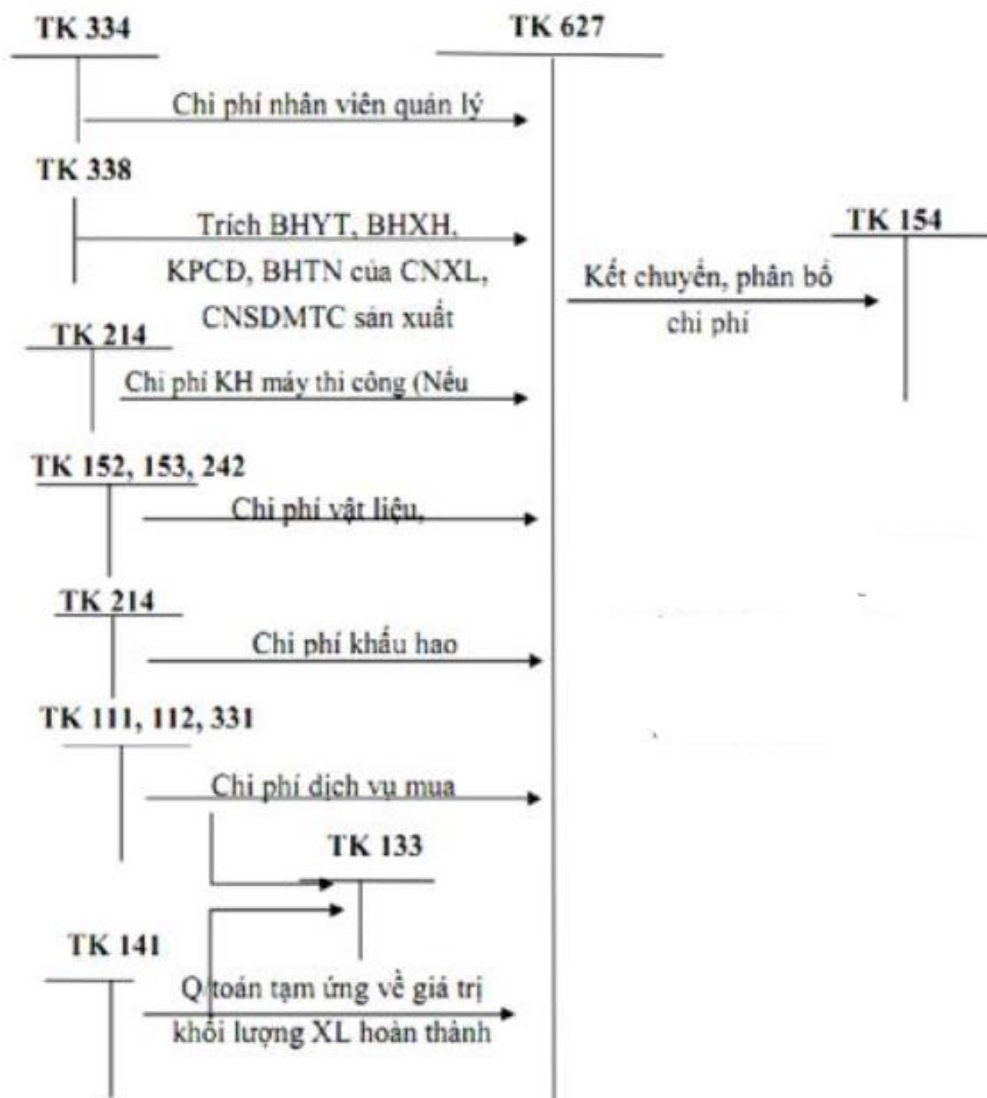
- **Phụ lục 1.4: Kế toán chi phí máy thi công (*Trường hợp doanh nghiệp không tổ chức đội máy thi công riêng*)**



Phụ lục 1.5: Kế toán chi phí máy thi công (Trường hợp thuê ngoài)



Phụ lục 1.6: Kế toán chi phí sản xuất chung



PHỤ LỤC CHƯƠNG II:

Phụ lục 2.1: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương
Số 7 ngõ 165 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 02 tháng 02 năm 2023 Ng: 621
Số: XK00044 Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: Lý Ngọc Diễm
- Địa chỉ (bộ phận): Công trình Orion Bắc Ninh
- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ xây dựng
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Orion Bắc Ninh

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng The Vissai bao PCB40	Xi măng PCB40	Tấn	100,0000		954.545,4700	95.454.547
	Cộng						95.454.547

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) *Chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng chẵn.*
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 02 tháng 02 năm 2023

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Ban quản lý dự án Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023

Phụ lục số 2.2: Bảng kê xuất nhập tồn

BẢNG KÊ NHẬP XUẤT TỒN								
Kho: Kho Orion Bắc Ninh; Tháng 02 năm 2023								
Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Nhập	Xuất	Tồn
						Số lượng	Số lượng	Số lượng
Mã kho : Kho Orion Bắc Ninh (7)						63.600,0000	35.200,0000	28.400,0000
Mã hàng : Xi măng PCB40 (6)						380,0000	380,0000	0,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	02/02/2023	02/02/2023	NK00037	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	180,0000	0,0000	180,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	02/02/2023	02/02/2023	XK00044	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	80,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	12/02/2023	12/02/2023	XK00050	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	80,0000	0,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	15/02/2023	15/02/2023	NK00044	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	200,0000	0,0000	200,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	15/02/2023	15/02/2023	XK00052	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	100,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Xi măng The Vissai bao	18/02/2023	18/02/2023	XK00056	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	0,0000
Mã hàng : Cát nền (4)						400,0000	200,0000	200,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát nền	02/02/2023	02/02/2023	NK00038	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	400,0000	0,0000	400,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát nền	05/02/2023	05/02/2023	XK00046	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	50,0000	350,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát nền	10/02/2023	10/02/2023	XK00049	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	50,0000	300,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát nền	20/02/2023	20/02/2023	XK00057	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	200,0000
Mã hàng : Cát xây tô (4)						280,0000	180,0000	100,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát xây tô	05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	180,0000	0,0000	180,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát xây tô	08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	80,0000	100,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát xây tô	12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	100,0000	0,0000	200,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Cát xây tô	15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	100,0000
Mã hàng : Đá 1x2 (4)						300,0000	300,0000	0,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Đá 1x2	02/02/2023	02/02/2023	NK00039	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DMT VIỆT NAM	300,0000	0,0000	300,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Đá 1x2	02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	200,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Đá 1x2	13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	100,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Đá 1x2	28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	100,0000	0,0000
Mã hàng : Gạch ống (7)						60.000,0000	32.000,0000	28.000,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Gạch ống	04/02/2023	04/02/2023	NK00040	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐĂNG KIM	50.000,0000	0,0000	50.000,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Gạch ống	05/02/2023	05/02/2023	XK00047	Xuất phục vụ xây dựng	0,0000	5.000,0000	45.000,0000
Kho Orion Bắc Ninh	Gạch ống	14/02/2023	14/02/2023	NK00043	Mua hàng của CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐĂNG KIM	10.000,0000	0,0000	55.000,0000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục số 2.3: Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP								
Công trình: Orion Bắc Ninh; Tháng 02 năm 2023								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Loại vật liệu xuất	TK đối ứng	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (1)								
02/02/2023	02/02/2023	XK00044	Xi măng The Vissai bao PC B40	152	Tấn	100	954.545,47	95.454.547
02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Đá 1x2	152	m3	100	270.000	27.000.000
02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Thép phi 10	152	kg	500	70.484	35.242.000
05/02/2023	05/02/2023	XK00046	Cát nền	152	m3	50	130.000	6.500.000
05/02/2023	05/02/2023	XK00047	Gạch ống	152	viên	5000	1.080	5.400.000
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát xây tô	152	m3	80	145.000	11.600.000
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát bê tông loại 1	152	m3	60	200.000	12.000.000
10/02/2023	10/02/2023	XK00049	Cát nền	152	m3	50	130.000	6.500.000
12/02/2023	12/02/2023	XK00050	Xi măng The Vissai bao PC B40	152	Tấn	80	954.545,475	76.363.638
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Đá 1x2	152	m3	100	270.000	27.000.000
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Thép phi 10	152	kg	500	70.484	35.242.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00052	Xi măng The Vissai bao PC B40	152	Tấn	100	984545,47	98.454.547
15/02/2023	15/02/2023	XK00053	Gạch ống	152	viên	5000	1.080	5.400.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00054	Gạch ống	152	viên	5000	1.080	5.400.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát xây tô	152	m3	100	145.000	14.500.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát bê tông loại 1	152	m3	80	200.000	16.000.000
18/02/2023	18/02/2023	XK00056	Xi măng The Vissai bao PC B40	152	Tấn	100	984545,47	98.454.547
20/02/2023	20/02/2023	XK00057	Cát nền	152	m3	100	130.000	13.000.000
23/02/2023	23/02/2023	XK00058	Gạch ống	152	viên	5000	1.080	5.400.000
23/02/2023	23/02/2023	XK00059	Thép phi 10	152	kg	500	70.484	35.242.000
25/02/2023	25/02/2023	XK00060	Gạch ống	152	viên	12000	1.080	12.960.000
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Đá 1x2	152	m3	100	270.000	27.000.000
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Thép phi 10	152		500	70.484	35.242.000
			Cộng phát sinh					705.355.279

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.4: Sổ chi tiết vật tư hàng hóa

Kho

Dashboard phân tích

Nhập, xuất kho

Chuyển kho

Lệnh sản xuất

Kiểm kê

Báo cáo phân tích

Quy trình

Nạp

Mẫu

Báo cáo đã cắt

Thu gọn

Gửi email, Zalo

Tạo báo cáo song ngữ

Xuất khẩu

In

Góp ý

Giúp

Chọn báo cáo...

Mã kho

Mã hàng

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: Kho Orion Bắc Ninh; Tháng 02 năm 2023

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.5: Sổ chi tiết TK 621

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình

Nap Mẫu Bảo cáo đã cất Thu gọn Gửi email, Zalo Tạo báo cáo song ngữ Xuất khẩu In Góp ý Giúp Đóng

Chọn tham số...

CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH

Tài khoản: 621; Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023

Tên công trình	Tài khoản	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
							≤	≤
		15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát xây tổ	152	14.500.000	0
		15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát bê tông loại 1	152	16.000.000	0
		18/02/2023	18/02/2023	XK00056	Xi măng The Viss	152	98.454.547	0
		20/02/2023	20/02/2023	XK00057	Cát nền	152	13.000.000	0
		23/02/2023	23/02/2023	XK00058	Gạch ống	152	5.400.000	0
		23/02/2023	23/02/2023	XK00059	Thép phi 10	152	35.242.000	0
		25/02/2023	25/02/2023	XK00060	Gạch ống	152	12.960.000	0
		28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Đá 1x2	152	27.000.000	0
		28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Thép phi 10	152	35.242.000	0
		02/03/2023	02/03/2023	XK00062	Gạch ống	152	8.640.000	0
		05/03/2023	05/03/2023	XK00063	Cát nền	152	13.000.000	0
		09/03/2023	09/03/2023	XK00064	Xi măng The Viss	152	98.454.547	0
		10/03/2023	10/03/2023	XK00065	Gạch ống	152	10.800.000	0
		12/03/2023	12/03/2023	XK00066	Cát xây tổ	152	4.350.000	0
		12/03/2023	12/03/2023	XK00066	Cát bê tông loại 1	152	6.000.000	0
		16/03/2023	16/03/2023	XK00067	Xi măng The Viss	152	98.454.547	0
		18/03/2023	18/03/2023	XK00068	Cát nền	152	13.000.000	0
		18/03/2023	18/03/2023	XK00069	Gạch ống	152	10.800.000	0
		20/03/2023	20/03/2023	XK00070	Cát xây tổ	152	7.250.000	0
		20/03/2023	20/03/2023	XK00070	Cát bê tông loại 1	152	10.000.000	0
		23/03/2023	23/03/2023	XK00071	Xi măng The Viss	152	147.681.821	0
		25/03/2023	25/03/2023	XK00072	Cát xây tổ	152	2.900.000	0
		25/03/2023	25/03/2023	XK00072	Cát bê tông loại 1	152	4.000.000	0
					Cộng phát sinh		1.140.686.194	0
					Số dư cuối kỳ		1.140.686.194	0

Số dòng = 39

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02-03/2023)

Phụ lục 2.6: Sổ cái TK 621

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2023								
Tài khoản: 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp						Đơn vị tính: VND		
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
09/01/2023	MH00245	09/01/2023	Mua hàng của CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẨM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000023			331	3.360.000	
12/01/2023	MH00246	12/01/2023	Mua hàng của CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẨM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000034			331	1.050.000	
18/01/2023	MH00265	18/01/2023	Mua hàng của CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẨM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT			331	1.050.000	
02/02/2023	XK00044	02/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	95.454.547	
02/02/2023	XK00045	02/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	62.242.000	
05/02/2023	XK00046	05/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	6.500.000	
05/02/2023	XK00047	05/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	5.400.000	
08/02/2023	XK00048	08/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	23.600.000	
10/02/2023	MH00252	10/02/2023	Mua hàng của CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẨM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000084			331	1.050.000	
10/02/2023	XK00049	10/02/2023	Xuất phục vụ xây dựng			152	6.500.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 01-02/2023)

Phụ lục 2.7: Bảng thanh toán tiền lương

Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương Số 7 ngõ 165 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam																						
BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG																						
Tháng 02 năm 2023 Công trình: Orion Bắc Ninh																						
T T	Họ và tên	Mã số thuế	Chức vụ	Lương cơ bản	Công Tgian	Lương Tgian	TN miễn thuế			Các khoản Phụ cấp + Thuợng tính vào TNCN					Tổng TN chịu thuế	Các khoản giảm trừ			Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN phải nộp	Lương được lĩnh	
							Ấn ca	Trang phục	Tổng TN miễn thuế	Xăng xe	Điện thoại	Tiền thuê nhà	Thuợng hoàn thành nhiệm vụ	Cộng		Bản thân	Bảo hiểm	Tổng cộng				
I	Ban Quản lý dự án				96	18.489.600	2.400.000	1.600.000	4.000.000	3.200.000	3.000.000	5.000.000	16.000.000	27.200.000	45.689.600	44.000.000	2.103.192	46.103.192	3.193.204	189.660	47.426.748	
1	Trịnh Xuân Vinh	8040028912	Trưởng ban QL.DA	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.500.000	6.000.000	9.500.000	14.122.400	11.000.000	525.798	11.525.798	2.596.602	129.830	14.466.772	
2	Đỗ Tiến Toàn	8043076777	Phó ban QL.DA	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.500.000	4.000.000	7.500.000	12.122.400	11.000.000	525.798	11.525.798	596.602	29.830	12.566.772	
3	Nguyễn Văn Hưng	8422831871	Thẩm định	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	3.000.000	5.100.000	9.722.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	10.196.602	
4	Vương Thị Ngọc Anh	8080074055	Kế toán- Hành chính	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	3.000.000	5.100.000	9.722.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	10.196.602	
II	Bộ phận Kỹ sư				72	13.867.200	1.800.000	1.200.000	3.000.000	1.800.000	1.500.000	3.000.000	6.000.000	12.300.000	26.167.200	33.000.000	1.577.394	34.577.394	0	0	27.589.806	
1	Lý Ngọc Diễm	8009413260	Kỹ sư chính	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	3.000.000	5.100.000	9.722.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	10.196.602	
2	Trần Văn Dân	8009413214	Kỹ sư	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	1.500.000	3.600.000	8.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798			8.696.602	
3	Nguyễn Trường Huy	8080323914	Kỹ sư	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	1.500.000	3.600.000	8.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798			8.696.602	
III	Bộ phận công nhân				120	23.112.000	3.000.000	2.000.000	5.000.000	3.000.000	2.500.000	5.000.000	2.500.000	13.000.000	36.112.000	55.000.000	2.628.990	57.628.990	0	0	38.483.010	
1	Lê Hữu Thanh	8343228639	Công nhân	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	500.000	2.600.000	7.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	7.696.602	
2	Phạm Thanh Liêm Phòng	8049398139	Công nhân	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	500.000	2.600.000	7.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	7.696.602	
3	Trần Tiến Huỳnh	8385923112	Công nhân	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	500.000	2.600.000	7.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	7.696.602	
4	Nguyễn Lê Anh	8563152544	Công nhân	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	500.000	2.600.000	7.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	7.696.602	
5	Nguyễn Thị Hồng Mai	8091172897	Công nhân	5.007.600	24	4.622.400	600.000	400.000	1.000.000	600.000	500.000	1.000.000	500.000	2.600.000	7.222.400	11.000.000	525.798	11.525.798	0	0	7.696.602	
Tổng cộng					288	55.468.800	7.200.000	4.800.000	12.000.000	8.000.000	7.000.000	13.000.000	24.500.000	52.500.000	107.968.800	132.000.000	6.309.576	138.309.576	3.193.204	189.660	113.499.564	
Người lập (kí, họ tên)							Ban chỉ huy công trường (kí, họ tên)							Giám đốc (kí, đóng dấu)								

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.8: Bảng thanh toán lương khoán

Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương
Số 7 ngõ 165 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG TÍNH THANH TOÁN LƯƠNG KHOẢN GIAI ĐOẠN I

Công trình: Orion Bắc Ninh

Ngày .../.../2023

TT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMT/CCCD	Chức vụ	Lương theo hợp đồng	Mức độ hoàn thành	Số tiền tạm ứng	Khấu trừ thuế TNCN	Số tiền được lĩnh
1	Bùi Văn Huyền	8651009374	187636050	Đội trưởng	50.000.000	50%	25.000.000	2.500.000	22.500.000
2	Nguyễn Đức Anh	8651009335	022200001404	Đội phó	30.000.000	50%	15.000.000	1.500.000	13.500.000
3	Nguyễn Văn Thành	8651009416	036201012129	Đội phó	30.000.000	50%	15.000.000	1.500.000	13.500.000
4	Mạc Đức Khương	8651009430	122347856	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
5	Nguyễn Thế Doanh	8651009462	034201010276	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
6	Vũ Công Lập	8651009494	022201007207	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
7	Nguyễn Đình Hiếu	8651009550	036201012296	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
8	Hạ Viết Cường	8651009617	001201022269	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
9	Đào Văn Chiến	8651010108	001201036225	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
10	Nguyễn Ngọc Hiếu	8679774689	184395953	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
11	Phạm Tuấn Hưng	8679774738	001200013519	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
12	Trần Đăng Khoa	8679774791	061073589	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
13	Ngô Thế Hiệp	8651009529	036201005281	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
14	Trần Thị Tú Anh	8651010669	034301003849	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
15	Nguyễn Thùy Linh	8651010700	031301006211	Công nhân	20.000.000	50%	10.000.000	1.000.000	9.000.000
Tổng cộng:							175.000.000	17.500.000	157.500.000

Người lập

Ban chỉ huy công trường

Giám đốc

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.9: Bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp:

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Công trình: Orion Bắc Ninh; Tháng 02 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền
----------------	---------------	-----------	------------	---------

Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (1)

Tài khoản : 622

26/02/2023	26/02/2023	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh Giai đoạn 1	3341	175.000.000
28/02/2023	28/02/2023	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	70.279.200
		Cộng phát sinh		245.279.200

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.10: Sổ chi tiết tài khoản 622 theo công trình:

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình						
Nạp Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Gửi email, Zalo Tạo báo cáo song ngữ Xuất khẩu In Góp ý Giúp Đóng						
Chọn tham số... CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH Tài khoản: 622; Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023						
Tên công trình Tài khoản						
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
☒	=	=	☐	☐	≤	≤
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (1)						
Tài khoản : 622 (6)						
26/02/2023	26/02/2023	NVK340	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh Giai đoạn 1	3341	175.000.000	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK304	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	70.279.200	0
30/03/2023	30/03/2023	NVK314	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh Giai đoạn 2	3341	175.000.000	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK315	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 03/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	75.501.600	0
			Cộng phát sinh		495.780.800	0
			Số dư cuối kỳ		495.780.800	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02-03/2023)

Phụ lục 2.11: Sổ Cái tài khoản 622

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2023

Tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
30/01/2023	NVK264	30/01/2023	Hạch toán lương tháng 1/2023			3341	143.391.200	
26/02/2023	NVK340	26/02/2023	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh giai đoạn 1			3341	175.000.000	
28/02/2023	NVK265	28/02/2023	Hạch toán lương tháng 2/2023			3341	138.168.098	
28/02/2023	NVK304	28/02/2023	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh			3341	70.279.200	
30/03/2023	NVK266	30/03/2023	Hạch toán lương tháng 3/2023			3341	369.973.800	
30/03/2023	NVK314	30/03/2023	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh giai đoạn 2			3341	175.000.000	
31/03/2023	NVK315	31/03/2023	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 03/2023 công trình Orion Bắc Ninh			3341	75.501.600	
30/04/2023	NVK267	30/04/2023	Hạch toán lương tháng 4/2023			3341	150.685.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 01-02/2023)

Phụ lục 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết chi phí máy thi công

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CHI PHÍ MÁY THI CÔNG

Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023

Ngày hạch toán	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền
----------------	-----------	------------	---------

Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh

Tài khoản : 623

08/02/2023	Dầu Diesel	331	10.550.000
05/03/2023	Thuê Máy xúc đào	331	50.000.000
15/03/2023	Thuê Máy xúc đào	331	35.000.000
	Cộng phát sinh		85.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 03/2023)

Phụ lục 2.13: Sổ chi tiết tài khoản 623:

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình						
Nạp Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Gửi email, Zalo Tạo báo cáo song ngữ Xuất khẩu In Góp ý Giúp Đóng						
Chọn tham số... CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH Tài khoản: 623; Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023						
Tên công trình Tài khoản						
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
☒	=	=			≤	≤
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (2)						
Tài khoản : 6232 (3)						
08/02/2023	08/02/2023	MH00357	Dầu Diesel	331	10.550.000	0
			Cộng phát sinh		10.550.000	0
			Số dư cuối kỳ		10.550.000	0
Tài khoản : 6237 (4)						
05/03/2023	05/03/2023	MDV00414	Thuê Máy xúc đã	331	50.000.000	0
15/03/2023	15/03/2023	MDV00422	Thuê Máy xúc đã	331	35.000.000	0
			Cộng phát sinh		85.000.000	0
			Số dư cuối kỳ		85.000.000	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02-03/2023)

Phụ lục 2.14: Sổ cái tài khoản 623:

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2023

Tài khoản: 623 - Chi phí sử dụng máy thi công Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
08/02/2023	MH00357	08/02/2023	Mua hàng của CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI - CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN theo hóa đơn 2			331	10.550.000	
05/03/2023	MDV00414	05/03/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HOÀNG MINH PHÁT			331	50.000.000	
15/03/2023	MDV00422	15/03/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ HOÀNG MINH PHÁT			331	35.000.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02-03/2023)

Phụ lục 2.15: Bảng tính các khoản trích theo lương tháng 03/2023

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương

Địa chỉ: Số 7 ngõ 165 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG TÍNH CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG THÁNG 03/2023

Công trình: Orion Bắc Ninh

STT	Họ và tên	Mức lương đóng BHXH	Mức đơn vị đóng (21,5%)			Tổng các khoản tính vào chi phí của DN	Mức NLĐ đóng (10,5%)			Tổng các khoản tính vào lương NLĐ	Tổng
			BHXH	BHYT	BHTN		BHXH	BHYT	BHTN		
			17,5%	3,0%	1,0%		8,0%	1,5%	1,0%		
I.	Ban Quản lý dự án		3.505.320	600.912	200.304	4.306.536	1.602.432	300.456	200.304	2.103.192	6.409.728
1	Trịnh Xuân Vinh	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
2	Đỗ Tiến Toàn	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
3	Nguyễn Văn Hưng	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
4	Vương Thị Ngọc Anh	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
II	Bộ phận Kỹ sư		2.628.990	450.684	150.228	3.229.902	1.201.824	225.342	150.228	1.577.394	4.807.296
1	Lý Ngọc Diễm	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
2	Trần Văn Dân	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
3	Nguyễn Trường Huy	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
III	Bộ phận công nhân		4.381.650	751.140	250.380	5.383.170	2.003.040	375.570	250.380	2.628.990	8.012.160
1	Lê Hữu Thanh	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
2	Phạm Thanh Liêm Ph	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
3	Trần Tiến Huỳnh	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
4	Nguyễn Lê Anh	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432
5	Nguyễn Thị Hồng Mai	5.007.600	876.330	150.228	50.076	1.076.634	400.608	75.114	50.076	525.798	1.602.432

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 03/2023)

Phụ lục 2.16: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG			
Công trình: Orion Bắc Ninh; Tháng 3 năm 2023			
Ngày hạch toán	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (4)			
Tài khoản : 6271			
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 03/2023 của đơn vị	3383	7.010.640
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 03/2023 của đơn vị	3384	1.201.824
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 03/2023 của đơn vị	3386	400.608
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 03/2023 của đơn vị	3383	3.505.320
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 03/2023 của đơn vị	3384	600.912
31/03/2023	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 03/2023 của đơn vị	3386	200.304
31/03/2023	Hạch toán lương Ban quản lý tháng 03/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	52.300.800
	Cộng phát sinh		65.220.408
Tài khoản : 6273			
03/03/2023	ván khuôn	331	1.320.000
03/03/2023	cuốc	331	800.000
03/03/2023	xẻng	331	3.500.000
03/03/2023	Bàn chà nhám	331	780.000
03/03/2023	Bay trét	331	1.125.000
03/03/2023	Cây sủi	331	407.000
15/03/2023	ván khuôn	331	3.960.000
15/03/2023	cuốc	331	900.000
15/03/2023	xẻng	331	2.800.000
15/03/2023	Bàn chà nhám	331	780.000
15/03/2023	Bay trét	331	1.050.000
15/03/2023	Cây sủi	331	555.000
	Cộng phát sinh		17.977.000
Tài khoản : 6277			
12/03/2023	Cước vận chuyển người và nâng hạ thiết bị	331	5.000.000
	Cộng phát sinh		5.000.000
Tài khoản : 6278			
18/03/2023	Photo, in ấn	331	3.500.000
18/03/2023	Tiếp khách	331	4.150.000
25/03/2023	Photo, in ấn	331	2.500.000
26/03/2023	Tiếp khách	331	4.290.000
30/03/2023	Tiếp khách	331	6.550.000
	Cộng phát sinh		20.990.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 03/2023)

Phụ lục 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 627:

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình						
Nạp Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Gửi email, Zalo Tạo báo cáo song ngữ Xuất khẩu In Góp ý Giúp Đóng						
Chọn tham số...						
CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH						
Tài khoản: 627; Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023						
Tên công trình Tài khoản						
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
=	=				≤	≤
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (4)						
Tài khoản : 6271 (16)						
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị	3383	7.010.640	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị	3384	1.201.824	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị	3386	400.608	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK310	Hạch toán lương Ban quản lý tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	49.689.600	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị	3383	3.505.320	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị	3384	600.912	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị	3386	200.304	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK317	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 03/2023 của đơn vị	3383	7.010.640	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK317	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 03/2023 của đơn vị	3384	1.201.824	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK317	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 03/2023 của đơn vị	3386	400.608	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK318	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 03/2023 của đơn vị	3383	3.505.320	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK318	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 03/2023 của đơn vị	3384	600.912	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK318	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 03/2023 của đơn vị	3386	200.304	0
31/03/2023	31/03/2023	NVK322	Hạch toán lương Ban quản lý tháng 03/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	52.300.800	0
			Cộng phát sinh		127.829.616	0
			Số dư cuối kỳ		127.829.616	0

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình							
Nạp Mẫu Báo cáo đã cắt Thu gọn Gửi email, Zalo Tạo báo cáo song ngữ Xuất khẩu In Góp ý Giúp Đóng Chọn tham số... CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH Công trình: Orion Bắc Ninh; Năm 2023							
Tên công trình Tài khoản							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có	
☒	=	=	☐	☐	≤	≤	
Tên công trình : Thi công hàng rào và đường tạm nhà máy Orion Khu Công nghiệp Yên Phong- Bắc Ninh (2)							
Tài khoản : 6277 (3)							
12/03/2023	12/03/2023	MDV00415	Cước vận chuyển người và nâng hạ thiết bị	331	5.000.000		(
			Cộng phát sinh		5.000.000		)
			Số dư cuối kỳ		5.000.000		)
Tài khoản : 6278 (9)							
06/02/2023	06/02/2023	MDV00416	Photo, in ấn	331	2.000.000		(
25/02/2023	25/02/2023	MDV00418	Tiếp khách	331	5.230.000		(
18/03/2023	18/03/2023	MDV00417	Photo, in ấn	331	3.500.000		(
18/03/2023	18/03/2023	MDV00419	Tiếp khách	331	4.150.000		(
25/03/2023	25/03/2023	MDV00423	Photo, in ấn	331	2.500.000		(
26/03/2023	26/03/2023	MDV00420	Tiếp khách	331	4.290.000		(
30/03/2023	30/03/2023	MDV00421	Tiếp khách	331	6.550.000		(
			Cộng phát sinh		28.220.000		)
			Số dư cuối kỳ		28.220.000		)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02-03/2023)

Phụ lục 2.18: Sổ Cái tài khoản 627:

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2023

Tài khoản: 627 - Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				9.538.416	
			- Số phát sinh trong kỳ					
02/02/2023	MH00251	02/02/2023	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG theo hóa đơn 00001363			331	491.841	
03/02/2023	MH00359	03/02/2023	Mua hàng của CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI MINH HUY theo hóa đơn 35			331	12.210.000	
06/02/2023	MDV00416	06/02/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HOÀNG CÔNG			331	2.000.000	
13/02/2023	MDV00271	13/02/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ẨM THỰC THÁI 5			331	388.000	
25/02/2023	MDV00273	25/02/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ẨM THỰC MẶT TRỜI VÀNG			331	894.000	
25/02/2023	MDV00418	25/02/2023	Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP ĐẠI AN			331	5.230.000	
28/02/2023	NVK307	28/02/2023	Hạch toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị			3383	7.010.640	
28/02/2023	NVK307	28/02/2023	Hạch toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị			3384	1.201.824	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)

Phụ lục 2.19: Các sổ chi tiết công trình nhà Anh Thành- BT14 Pháp Vân:

Sổ chi tiết tài khoản theo công trình

Nạp

Mẫu

Báo cáo đã cắt

Thu gọn

Gửi email, Zalo

Tạo báo cáo song ngữ

Xuất khẩu

In

Góp ý

Giúp

Đóng

Chọn tham số...

CHI TIẾT PHÁT SINH TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH

Công trình: ANH THANH-BT14; Năm 2023

Tên công trình

Tài khoản

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền Nợ	Số tiền Có
☒	=	=			≤	≤
Tên công trình : Thi công, xử lý vết nứt nhà Anh Thành, biệt thự BT14 Pháp Vân (7)						
Tài khoản : 621 (11)						
01/12/2023	01/12/2023	MH00363	sikadua 731	331	3.360.000	0
02/12/2023	02/12/2023	MH00370	sikadua 731	331	25.200.000.000	0
03/12/2023	03/12/2023	MH00364	sikadua 731	331	1.050.000	0
05/12/2023	05/12/2023	MH00365	sikadua 731	331	1.050.000	0
10/12/2023	10/12/2023	MH00372	sikadua 731	331	19.950.000	0
15/12/2023	15/12/2023	MH00366	sikadua 731	331	1.050.000	0
16/12/2023	16/12/2023	MH00367	sikadua 731	331	31.500.000.000	0
21/12/2023	21/12/2023	MH00368	sikadua 731	331	30.450.000	0
22/12/2023	22/12/2023	MH00371	sikadua 731	331	21.000.000.000	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	77.756.910.000
			Cộng phát sinh		77.756.910.000	77.756.910.000
Tài khoản : 622 (4)						
29/12/2023	29/12/2023	NVK326	Hạch toán lương t	3341	10.950.300	0
30/12/2023	30/12/2023	NVK325	Hạch toán lương t	3341	20.000.000	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	30.950.300
			Cộng phát sinh		30.950.300	30.950.300
Tài khoản : 6237 (3)						
15/12/2023	15/12/2023	MDV00424	Thuê Máy xúc đà	331	15.000.000	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	15.000.000
			Cộng phát sinh		15.000.000	15.000.000

[-] Tài khoản : 6271 (5)						
29/12/2023	29/12/2023	NVK324	Hạch toán chi phí	3383	4.326.937	0
29/12/2023	29/12/2023	NVK324	Hạch toán chi phí	3384	234.668	0
29/12/2023	29/12/2023	NVK324	Hạch toán chi phí	3386	153.482	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	4.715.087
			Cộng phát sinh		4.715.087	4.715.087
[-] Tài khoản : 6273 (8)						
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	vấn khuôn	331	2.200.000	0
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	cuốc	331	1.000.000	0
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	xéng	331	5.250.000	0
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	Bàn chà nhám	331	1.300.000	0
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	Bay trét	331	1.350.000	0
12/07/2023	12/07/2023	MH00369	Cây sùi	331	1.110.000	0
			Cộng phát sinh		12.210.000	0
			Số dư cuối kỳ		12.210.000	0
[-] Tài khoản : 6277 (3)						
18/12/2023	18/12/2023	MDV00426	Cước vận chuyển	331	4.000.000	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	4.000.000
			Cộng phát sinh		4.000.000	4.000.000
[-] Tài khoản : 6278 (3)						
13/12/2023	13/12/2023	MDV00425	Photo, in ấn	331	2.500.000	0
31/12/2023	31/12/2023	KC00051	Kết chuyển chi ph	154	0	2.500.000
			Cộng phát sinh		2.500.000	2.500.000
Số dòng = 37						

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 12/2023)

Phụ lục 2.20: Sổ Nhật ký chung:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 02 năm 2023

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
02/02/2023	02/02/2023	MH00251	Văn phòng phẩm	6277	331	491.841	0
02/02/2023	02/02/2023	MH00251	Văn phòng phẩm	331	6277	0	491.841
02/02/2023	02/02/2023	MH00251	Thuế GTGT - Văn phòng phẩm	1331	331	49.184	0
02/02/2023	02/02/2023	MH00251	Thuế GTGT - Văn phòng phẩm	331	1331	0	49.184
02/02/2023	02/02/2023	NK00037	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	331	171.818.185	0
02/02/2023	02/02/2023	NK00037	Xi măng The Vissai bao PCB40	331	152	0	171.818.185
02/02/2023	02/02/2023	NK00037	Thuế GTGT - Xi măng The Vissai bao PCB40	1331	331	17.181.819	0
02/02/2023	02/02/2023	NK00037	Thuế GTGT - Xi măng The Vissai bao PCB40	331	1331	0	17.181.819
02/02/2023	02/02/2023	NK00038	Cát nền	152	331	52.000.000	0
02/02/2023	02/02/2023	NK00038	Cát nền	331	152	0	52.000.000
02/02/2023	02/02/2023	NK00039	Đá 1x2	152	331	81.000.000	0
02/02/2023	02/02/2023	NK00039	Đá 1x2	331	152	0	81.000.000
02/02/2023	02/02/2023	NK00039	Thép phi 10	152	331	140.968.000	0
02/02/2023	02/02/2023	NK00039	Thép phi 10	331	152	0	140.968.000
02/02/2023	02/02/2023	PC035/2023	Trả tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL theo hóa đơn 0441383	331	1111	123.970	0
02/02/2023	02/02/2023	PC035/2023	Trả tiền cho TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL theo hóa đơn 0441383	1111	331	0	123.970
02/02/2023	02/02/2023	XK00044	Xi măng The Vissai bao PCB40	621	152	95.454.547	0
02/02/2023	02/02/2023	XK00044	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	621	0	95.454.547
02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Đá 1x2	621	152	27.000.000	0
02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Đá 1x2	152	621	0	27.000.000
02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Thép phi 10	621	152	35.242.000	0

02/02/2023	02/02/2023	XK00045	Thép phi 10	152	621	0	35.242.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	ván khuôn	6273	331	2.200.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	ván khuôn	331	6273	0	2.200.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - ván khuôn	1331	331	220.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - ván khuôn	331	1331	0	220.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	cuốc	6273	331	1.000.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	cuốc	331	6273	0	1.000.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - cuốc	1331	331	100.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - cuốc	331	1331	0	100.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	xèng	6273	331	5.250.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	xèng	331	6273	0	5.250.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - xèng	1331	331	525.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - xèng	331	1331	0	525.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Bàn chà nhám	6273	331	1.300.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Bàn chà nhám	331	6273	0	1.300.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Bàn chà nhám	1331	331	130.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Bàn chà nhám	331	1331	0	130.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Bay trét	6273	331	1.350.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Bay trét	331	6273	0	1.350.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Bay trét	1331	331	135.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Bay trét	331	1331	0	135.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Cây sủi	6273	331	1.110.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Cây sủi	331	6273	0	1.110.000
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Cây sủi	1331	331	111.000	0
03/02/2023	03/02/2023	MH00359	Thuế GTGT - Cây sủi	331	1331	0	111.000
04/02/2023	04/02/2023	NK00040	Gạch ống	152	331	54.000.000	0
04/02/2023	04/02/2023	NK00040	Gạch ống	331	152	0	54.000.000
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Cát xây tô	152	331	26.100.000	0
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Cát xây tô	331	152	0	26.100.000

05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Thuế GTGT - Cát xây tô	1331	331	2.610.000	0
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Thuế GTGT - Cát xây tô	331	1331	0	2.610.000
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Cát bê tông loại 1	152	331	32.000.000	0
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Cát bê tông loại 1	331	152	0	32.000.000
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Thuế GTGT - Cát bê tông loại 1	1331	331	3.200.000	0
05/02/2023	05/02/2023	NK00041	Thuế GTGT - Cát bê tông loại 1	331	1331	0	3.200.000
05/02/2023	05/02/2023	PC036/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HOÀNG HÀ theo hóa đơn 1596	331	1111	2.480.000	0
05/02/2023	05/02/2023	PC036/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HOÀNG HÀ theo hóa đơn 1596	1111	331	0	2.480.000
05/02/2023	05/02/2023	PC037/2023	Trả tiền cho TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN theo hóa đơn 0000202	331	1111	2.000.000	0
05/02/2023	05/02/2023	PC037/2023	Trả tiền cho TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN theo hóa đơn 0000202	1111	331	0	2.000.000
05/02/2023	05/02/2023	XK00046	Cát nền	621	152	6.500.000	0
05/02/2023	05/02/2023	XK00046	Cát nền	152	621	0	6.500.000
05/02/2023	05/02/2023	XK00047	Gạch ống	621	152	5.400.000	0
05/02/2023	05/02/2023	XK00047	Gạch ống	152	621	0	5.400.000
06/02/2023	06/02/2023	MDV00416	Photo, in ấn	6278	1111	2.000.000	0
06/02/2023	06/02/2023	MDV00416	Photo, in ấn	1111	6278	0	2.000.000
06/02/2023	06/02/2023	MDV00416	Thuế GTGT - Photo, in ấn	1331	1111	200.000	0
06/02/2023	06/02/2023	MDV00416	Thuế GTGT - Photo, in ấn	1111	1331	0	200.000
06/02/2023	06/02/2023	PC038/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐO LƯỜNG theo hóa đơn 11	331	1111	1.470.000	0
06/02/2023	06/02/2023	PC038/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐO LƯỜNG theo hóa đơn 11	1111	331	0	1.470.000
08/02/2023	08/02/2023	MH00357	Dầu Diesel	6232	331	10.550.000	0
08/02/2023	08/02/2023	MH00357	Dầu Diesel	331	6232	0	10.550.000

08/02/2023	08/02/2023	MH00357	Thuế GTGT - Dầu Diesel	1331	331	1.055.000	0
08/02/2023	08/02/2023	MH00357	Thuế GTGT - Dầu Diesel	331	1331	0	1.055.000
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát xây tô	621	152	11.600.000	0
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát xây tô	152	621	0	11.600.000
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát bê tông loại 1	621	152	12.000.000	0
08/02/2023	08/02/2023	XK00048	Cát bê tông loại 1	152	621	0	12.000.000
10/02/2023	10/02/2023	MH00252	sikadua 731	621	331	1.050.000	0
10/02/2023	10/02/2023	MH00252	sikadua 731	331	621	0	1.050.000
10/02/2023	10/02/2023	MH00252	Thuế GTGT - sikadua 731	1331	331	105.000	0
10/02/2023	10/02/2023	MH00252	Thuế GTGT - sikadua 731	331	1331	0	105.000
10/02/2023	10/02/2023	UNC008/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000084	331	1121	1.155.000	0
10/02/2023	10/02/2023	UNC008/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000084	1121	331	0	1.155.000
10/02/2023	10/02/2023	XK00049	Cát nền	621	152	6.500.000	0
10/02/2023	10/02/2023	XK00049	Cát nền	152	621	0	6.500.000
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Cát xây tô	152	331	14.500.000	0
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Cát xây tô	331	152	0	14.500.000
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Thuế GTGT - Cát xây tô	1331	331	1.450.000	0
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Thuế GTGT - Cát xây tô	331	1331	0	1.450.000
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Cát bê tông loại 1	152	331	16.000.000	0
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Cát bê tông loại 1	331	152	0	16.000.000
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Thuế GTGT - Cát bê tông loại 1	1331	331	1.600.000	0
12/02/2023	12/02/2023	NK00042	Thuế GTGT - Cát bê tông loại 1	331	1331	0	1.600.000
12/02/2023	12/02/2023	PC039/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH BẢO HỘ LAO ĐỘNG BẢO TÂM theo hóa đơn 473	331	1111	5.130.540	0
12/02/2023	12/02/2023	PC039/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH BẢO HỘ LAO ĐỘNG BẢO TÂM theo hóa đơn 473	1111	331	0	5.130.540

12/02/2023	12/02/2023	XK00050	Xi măng The Vissai bao PCB40	621	152	76.363.638	0
12/02/2023	12/02/2023	XK00050	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	621	0	76.363.638
13/02/2023	13/02/2023	MDV00271	Tiếp khách	6277	331	388.000	0
13/02/2023	13/02/2023	MDV00271	Tiếp khách	331	6277	0	388.000
13/02/2023	13/02/2023	MDV00271	Thuế GTGT - Tiếp khách	1331	331	38.800	0
13/02/2023	13/02/2023	MDV00271	Thuế GTGT - Tiếp khách	331	1331	0	38.800
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Đá 1x2	621	152	27.000.000	0
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Đá 1x2	152	621	0	27.000.000
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Thép phi 10	621	152	35.242.000	0
13/02/2023	13/02/2023	XK00051	Thép phi 10	152	621	0	35.242.000
14/02/2023	14/02/2023	NK00043	Gạch ống	152	331	10.800.000	0
14/02/2023	14/02/2023	NK00043	Gạch ống	331	152	0	10.800.000
14/02/2023	14/02/2023	PC040/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN ẨM THỰC THÁI 5 theo hóa đơn 1694	331	1111	426.800	0
14/02/2023	14/02/2023	PC040/2023	Trả tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN ẨM THỰC THÁI 5 theo hóa đơn 1694	1111	331	0	426.800
14/02/2023	14/02/2023	PC041/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI & BẮT ĐỘNG SẢN FLORILAND theo hóa đơn 20	331	1111	16.500.000	0
14/02/2023	14/02/2023	PC041/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI & BẮT ĐỘNG SẢN FLORILAND theo hóa đơn 20	1111	331	0	16.500.000
15/02/2023	15/02/2023	NK00044	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	331	196.909.094	0
15/02/2023	15/02/2023	NK00044	Xi măng The Vissai bao PCB40	331	152	0	196.909.094
15/02/2023	15/02/2023	NK00044	Thuế GTGT - Xi măng The Vissai bao PCB40	1331	331	19.690.909	0
15/02/2023	15/02/2023	NK00044	Thuế GTGT - Xi măng The Vissai bao PCB40	331	1331	0	19.690.909
15/02/2023	15/02/2023	PC042/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHÀ HÀNG TIỀN HẰNG theo hóa đơn 3784, 3798	331	1111	11.340.000	0

15/02/2023	15/02/2023	PC042/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHÀ HÀNG TIỀN HẰNG theo hóa đơn 3784, 3798	1111	331	0	11.340.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00052	Xi măng The Vissai bao PCB40	621	152	98.454.547	0
15/02/2023	15/02/2023	XK00052	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	621	0	98.454.547
15/02/2023	15/02/2023	XK00053	Gạch ống	621	152	5.400.000	0
15/02/2023	15/02/2023	XK00053	Gạch ống	152	621	0	5.400.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00054	Gạch ống	621	152	5.400.000	0
15/02/2023	15/02/2023	XK00054	Gạch ống	152	621	0	5.400.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát xây tô	621	152	14.500.000	0
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát xây tô	152	621	0	14.500.000
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát bê tông loại 1	621	152	16.000.000	0
15/02/2023	15/02/2023	XK00055	Cát bê tông loại 1	152	621	0	16.000.000
17/02/2023	17/02/2023	MH00254	sikadua 731	621	331	9.450.000	0
17/02/2023	17/02/2023	MH00254	sikadua 731	331	621	0	9.450.000
17/02/2023	17/02/2023	MH00254	Thuế GTGT - sikadua 731	1331	331	945.000	0
17/02/2023	17/02/2023	MH00254	Thuế GTGT - sikadua 731	331	1331	0	945.000
17/02/2023	17/02/2023	PC043/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000023, 00000102	331	1111	14.091.000	0
17/02/2023	17/02/2023	PC043/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000023, 00000102	1111	331	0	14.091.000
18/02/2023	18/02/2023	XK00056	Xi măng The Vissai bao PCB40	621	152	98.454.547	0
18/02/2023	18/02/2023	XK00056	Xi măng The Vissai bao PCB40	152	621	0	98.454.547
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Bao da điện thoại	6423	331	247.272	0
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Bao da điện thoại	331	6423	0	247.272
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Thuế GTGT - Bao da điện thoại	1331	331	24.728	0

20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Thuế GTGT - Bao da điện thoại	331	1331	0	24.728
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Phí giao hàng	6423	331	36.364	0
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Phí giao hàng	331	6423	0	36.364
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Thuế GTGT - Phí giao hàng	1331	331	3.636	0
20/02/2023	20/02/2023	MH00255	Thuế GTGT - Phí giao hàng	331	1331	0	3.636
20/02/2023	20/02/2023	PC044/2023	Trả tiền cho CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG theo hóa đơn 0041471, 0665795	331	1111	4.098.001	0
20/02/2023	20/02/2023	PC044/2023	Trả tiền cho CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG theo hóa đơn 0041471, 0665795	1111	331	0	4.098.001
20/02/2023	20/02/2023	XK00057	Cát nền	621	152	13.000.000	0
20/02/2023	20/02/2023	XK00057	Cát nền	152	621	0	13.000.000
21/02/2023	21/02/2023	MH00253	sikadua 731	621	331	14.700.000	0
21/02/2023	21/02/2023	MH00253	sikadua 731	331	621	0	14.700.000
21/02/2023	21/02/2023	MH00253	Thuế GTGT - sikadua 731	1331	331	1.470.000	0
21/02/2023	21/02/2023	MH00253	Thuế GTGT - sikadua 731	331	1331	0	1.470.000
21/02/2023	21/02/2023	PC045/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000112	331	1111	16.170.000	0
21/02/2023	21/02/2023	PC045/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000112	1111	331	0	16.170.000
21/02/2023	21/02/2023	PT008/2023	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1111	1121	10.000.000	0
21/02/2023	21/02/2023	PT008/2023	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1121	1111	0	10.000.000
21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm thất nghiệp	3386	1121	100.152	0
21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm thất nghiệp	1121	3386	0	100.152
21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm xã hội	3383	1121	1.276.938	0
21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm xã hội	1121	3383	0	1.276.938
21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm y tế	3384	1121	225.342	0

21/02/2023	21/02/2023	UNC009/2023	Bảo hiểm y tế	1121	3384	0	225.342
21/02/2023	21/02/2023	UNC010/2023	Trả tiền cho TRUNG TÂM ĐẦU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA theo hóa đơn 17562	331	1121	1.100.000	0
21/02/2023	21/02/2023	UNC010/2023	Trả tiền cho TRUNG TÂM ĐẦU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA theo hóa đơn 17562	1121	331	0	1.100.000
22/02/2023	22/02/2023	MDV00272	Phí duy trì mạng đấu thầu quốc gia	6427	331	1.000.000	0
22/02/2023	22/02/2023	MDV00272	Phí duy trì mạng đấu thầu quốc gia	331	6427	0	1.000.000
22/02/2023	22/02/2023	MDV00272	Thuế GTGT - Phí duy trì mạng đấu thầu quốc gia	1331	331	100.000	0
22/02/2023	22/02/2023	MDV00272	Thuế GTGT - Phí duy trì mạng đấu thầu quốc gia	331	1331	0	100.000
22/02/2023	22/02/2023	MH00256	sikadua 731	621	331	15.750.000	0
22/02/2023	22/02/2023	MH00256	sikadua 731	331	621	0	15.750.000
22/02/2023	22/02/2023	MH00256	Thuế GTGT - sikadua 731	1331	331	1.575.000	0
22/02/2023	22/02/2023	MH00256	Thuế GTGT - sikadua 731	331	1331	0	1.575.000
22/02/2023	22/02/2023	PC046/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000119	331	1111	17.325.000	0
22/02/2023	22/02/2023	PC046/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000119	1111	331	0	17.325.000
23/02/2023	23/02/2023	MH00257	sikadua 731	621	331	15.120.000	0
23/02/2023	23/02/2023	MH00257	sikadua 731	331	621	0	15.120.000
23/02/2023	23/02/2023	MH00257	Thuế GTGT - sikadua 731	1331	331	1.512.000	0
23/02/2023	23/02/2023	MH00257	Thuế GTGT - sikadua 731	331	1331	0	1.512.000
23/02/2023	23/02/2023	PC047/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000123	331	1111	16.632.000	0
23/02/2023	23/02/2023	PC047/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU CÔNG NGHỆ CAO VIMAT theo hóa đơn 00000123	1111	331	0	16.632.000

23/02/2023	23/02/2023	XK00058	Gạch ống	621	152	5.400.000	0
23/02/2023	23/02/2023	XK00058	Gạch ống	152	621	0	5.400.000
23/02/2023	23/02/2023	XK00059	Thép phi 10	621	152	35.242.000	0
23/02/2023	23/02/2023	XK00059	Thép phi 10	152	621	0	35.242.000
24/02/2023	24/02/2023	PT009/2023	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1111	1121	5.000.000	0
24/02/2023	24/02/2023	PT009/2023	Rút tiền gửi về nộp quỹ	1121	1111	0	5.000.000
25/02/2023	25/02/2023	MDV00273	Tiếp khách	6277	331	894.000	0
25/02/2023	25/02/2023	MDV00273	Tiếp khách	331	6277	0	894.000
25/02/2023	25/02/2023	MDV00273	Thuế GTGT - Tiếp khách	1331	331	89.400	0
25/02/2023	25/02/2023	MDV00273	Thuế GTGT - Tiếp khách	331	1331	0	89.400
25/02/2023	25/02/2023	MDV00418	Tiếp khách	6278	331	5.230.000	0
25/02/2023	25/02/2023	MDV00418	Tiếp khách	331	6278	0	5.230.000
25/02/2023	25/02/2023	MDV00418	Thuế GTGT - Tiếp khách	1331	331	523.000	0
25/02/2023	25/02/2023	MDV00418	Thuế GTGT - Tiếp khách	331	1331	0	523.000
25/02/2023	25/02/2023	NTTK00091	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121	515	17.733	0
25/02/2023	25/02/2023	NTTK00091	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121	0	17.733
25/02/2023	25/02/2023	PC048/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHÀ HÀNG QUANG LINH theo hóa đơn 91, 214	331	1111	10.846.000	0
25/02/2023	25/02/2023	PC048/2023	Trả tiền cho CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHÀ HÀNG QUANG LINH theo hóa đơn 91, 214	1111	331	0	10.846.000
25/02/2023	25/02/2023	XK00060	Gạch ống	621	152	12.960.000	0
25/02/2023	25/02/2023	XK00060	Gạch ống	152	621	0	12.960.000
26/02/2023	26/02/2023	NVK340	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh Giai đoạn 1	622	3341	175.000.000	0
26/02/2023	26/02/2023	NVK340	Hạch toán lương khoán công trình Orion Bắc Ninh Giai đoạn 1	3341	622	0	175.000.000
26/02/2023	26/02/2023	NVK341	Hạch toán thuế TNCN lương giai đoạn 1 công nhân khoán công trình Orion Bắc Ninh	3341	3335	17.500.000	0

26/02/2023	26/02/2023	NVK341	Hạch toán thuế TNCN lương giai đoạn 1 công nhân khoán công trình Orion Bắc Ninh	3335	3341	0	17.500.000
28/02/2023	28/02/2023	MDV00328	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	331	170.000	0
28/02/2023	28/02/2023	MDV00328	Phí dịch vụ ngân hàng	331	6427	0	170.000
28/02/2023	28/02/2023	NVK265	Hạch toán lương tháng 2 công trình Sojo Sơn La	622	3341	138.168.098	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK265	Hạch toán lương tháng 2 công trình Sojo Sơn La	3341	622	0	138.168.098
28/02/2023	28/02/2023	NVK304	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	622	3341	70.279.200	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK304	Hạch toán lương nhân công chính thức tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	622	0	70.279.200
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3383	3.204.864	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3383	3341	0	3.204.864
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3384	600.912	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3384	3341	0	600.912
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3386	400.608	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK305	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3386	3341	0	400.608
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3383	7.010.640	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3383	6271	0	7.010.640
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3384	1.201.824	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3384	6271	0	1.201.824

28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3386	400.608	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK307	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3386	6271	0	400.608
28/02/2023	28/02/2023	NVK310	Hạch toán lương Ban quản lý tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	6271	3341	49.689.600	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK310	Hạch toán lương Ban quản lý tháng 02/2023 công trình Orion Bắc Ninh	3341	6271	0	49.689.600
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3383	1.602.432	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3383	3341	0	1.602.432
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3384	300.456	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3384	3341	0	300.456
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3341	3386	200.304	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK311	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của NLĐ công trình Orion Bắc Ninh	3386	3341	0	200.304
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3383	3.505.320	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHXH Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3383	6271	0	3.505.320
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3384	600.912	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHYT Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3384	6271	0	600.912
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	6271	3386	200.304	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK312	Hạch toán chi phí BHTN Tháng 02/2023 của đơn vị công trình Orion Bắc Ninh	3386	6271	0	200.304

28/02/2023	28/02/2023	NVK313	Hạch toán thuế TNCN BQL công trình Orion Bắc Ninh tháng 02/2023	3341	3335	159.660	0
28/02/2023	28/02/2023	NVK313	Hạch toán thuế TNCN BQL công trình Orion Bắc Ninh tháng 02/2023	3335	3341	0	159.660
28/02/2023	28/02/2023	PBCC00102	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2023	6273	242	2.462.963	0
28/02/2023	28/02/2023	PBCC00102	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2023	242	6273	0	2.462.963
28/02/2023	28/02/2023	PBCC00102	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2023	6423	242	1.577.205	0
28/02/2023	28/02/2023	PBCC00102	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2023	242	6423	0	1.577.205
28/02/2023	28/02/2023	PC049/2023	Chi lương tháng 02/2023	3341	1111	137.477.470	0
28/02/2023	28/02/2023	PC049/2023	Chi lương tháng 02/2023	1111	3341	0	137.477.470
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Đá 1x2	621	152	27.000.000	0
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Đá 1x2	152	621	0	27.000.000
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Thép phi 10	621	152	35.242.000	0
28/02/2023	28/02/2023	XK00061	Thép phi 10	152	621	0	35.242.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Confitech Xuân Phương- Tháng 02/2023)